

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLSURE

(Ban hành kèm theo Quyết định số.../QĐ-SGDVN ngày..... của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/Issued with the Decision No...../QĐ-SGDVN on.....of the CEO of Vietnam Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange)

Công ty Cổ phần
Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Taya Vietnam Electric Wire
And Cable Joint Stock Company

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Số/No: 1-313/25/Taya-Vn-cbtt

Biên Hòa, ngày 31 tháng 03 năm 2025
Bien Hoa, March 31, 2025

CÔNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ
CÁP ĐIỆN
TAYA
VIỆT NAM

Digitally signed by
CÔNG TY CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
TAYA VIỆT NAM
DN: C=VN, S=ĐỒNG
NAI, L=Thành phố Biên
Hòa, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN DÂY VÀ CÁP
ĐIỆN TAYA VIỆT NAM,
OID.0.9.2342.19200300.
100.1.1=MST:
3600241468
Reason: I am the author
of this document
Location:
Date: 2025-03-31 09:49:
47

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLSURE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: - The State Securities Commission
- The Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam/*Taya Vietnam Electric Wire And Cable Joint Stock Company*

- Mã chứng khoán/*Stock code*: TYA

- Địa chỉ: số 1, đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai/*Address: No. 1, Street 1A, Bien Hoa II Industrial Park, Bien Hoa, Dong Nai.*

- Điện thoại liên hệ/*Tel*: 0251-3836361-4

Fax: 0251-3836388

- E-mail: vndnstock@mail.taya.com.tw

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam Báo cáo thường niên năm 2024/ *Taya Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company Annual Report 2024.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/03/2025 Tại đường dẫn: www.taya.com.vn Mục Quan hệ cổ đông → Báo cáo thường niên/*This information was published on the company's website on March 31, 2025. At the link: www.taya.com.vn Section: Shareholder Relations → Annual Report.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/bố/*We hereby certify that the information provided is true and*

correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm:

Attached documents:

- Báo cáo thường niên
/Annual Report

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Taya Vietnam Electric Wire And Cable Joint Stock Company

Người UQ CBTT
Person Authorized To Disclose Information



LINH THIN PAU
(Trưởng phòng Quản lý Chứng khoán)
Head of Securities Management Department

Phụ lục/Appendix IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)/ (Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

Công ty Cổ phần
Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Taya Vietnam Electric Wire
and Cable Joint Stock Company
Số/No.: 313/2025/TAYA-BCTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness
Biên Hòa, ngày 31 tháng 03 năm 2025
Bien Hoa, March 31, 2025

BÁO CÁO
Thường niên năm 2024
ANNUAL REPORT 2024

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán T.p Hồ Chí Minh
To: - *The State Securities Commission;*
 - *The Ho Chi Minh Stock Exchange;*

I. Thông tin chung/Comprehensive information

1. Thông tin khái quát/Generalize information

- Tên giao dịch/*Trading name*: TAYA (VIET NAM) ELECTRIC WIRE AND CABLE JOINT STOCK COMPANY.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 472033000584 do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp lần đầu ngày 11/07/2008, cấp lần thứ bảy thay đổi ngày 07/06/2017/*Business registration certificate No. 472033000584 first issued by Dong Nai Industrial Parks Management Board on July 11, 2008, seventh change on June 7, 2017.*
- Vốn điều lệ/*Charter capital* : 306.899.450.000 đồng/VND.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Owner's capital*: 549.614.698.627 đồng/VND.
- Địa chỉ/*Address*: Số 1, đường 1 A, khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai/*No. 1, Street 1A, Bien Hoa II Industrial Park, Bien Hoa, Dong Nai.*
- Số điện thoại /*TelePhone*: 84-0251-3836361 ~ 4 Số fax/*Fax*: 84-0251-3836388
- Website; www.taya.com.vn
- Mã cổ phiếu/*Securities code*: TYA
- **Quá trình hình thành và phát triển/Establishment and development process:**
+ **Ngày thành lập:** Ngày 7/10/2005, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 414 CPH/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

Date of establishment: On October 7, 2005, the Company officially switched to operating as a Joint Stock Company under the Adjusted Investment License No. 414 CPH/GP issued by the Ministry of Planning and Investment.

- + **Ngày niêm yết:** Giấy phép niêm yết cổ phiếu số: 40/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán nhà nước (SSC) cấp ngày 2/12/2005.

Listing date: Stock listing license number: 40/UBCK-GPNY issued by the State Securities Commission (SSC) on December 2, 2005.

- + **Ngày cổ phiếu giao dịch chính thức:** Ngày 15 tháng 02 năm 2006 cổ phiếu Taya Việt Nam chính thức giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (nay là Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM)/
Official stock trading date: On February 15, 2006, Taya Vietnam shares were officially traded at Ho Chi Minh City Stock Exchange Center (now Ho Chi Minh City Stock Exchange).

2. **Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/Industry and business area:**

- **Ngành nghề kinh doanh:** Sản xuất các loại dây điện từ và dây cáp điện cao thế và trung thế 1~35KV, dây và cáp điện hạ thế 600~1.000V, cáp điện lực XLPE 600V, cáp điện lực có giáp bằng sợi thép, băng nhôm, băng đồng, băng thép, dây cáp điện chống cháy, dây cáp điện ít khói, dây cáp điện không độc hại, dây đồng trần đơn và xoắn, cáp điều khiển, các loại dây mềm, dây điện dùng trong ô tô, sản xuất động cơ và máy bơm nước.

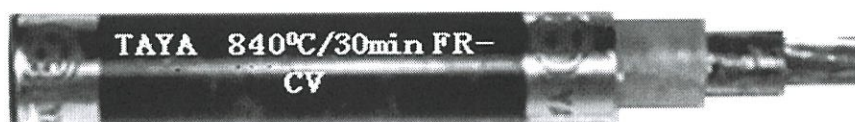
Business lines: Production of all kinds of magnetic wires and high and medium voltage electric cables 1 ~35KV, low voltage wires and cables 600~1,000V, XLPE power cables 600V, power cables with steel wire armor, aluminum tape, copper tape, steel tape, fire-resistant electric cables, low-smoke electric cables, non-toxic electric cables, single and twisted bare copper wires, control cables, all kinds of soft wires, electric wires used in automobiles, engine and water pump manufacturing.

- Thi công xây lắp các công trình điện.
Construction and installation of electrical projects.
- Thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu và quyền phân phối các mặt hàng phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật.
Implement export rights, import and distribution rights of goods in accordance with the company's production and business activities according to the provisions of law.
- Sản xuất linh kiện, thiết bị, phụ tùng dùng cho ngành điện.
Manufacturing of electrical components, equipment and spare parts.
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.
Construction and installation of civil and industrial projects.

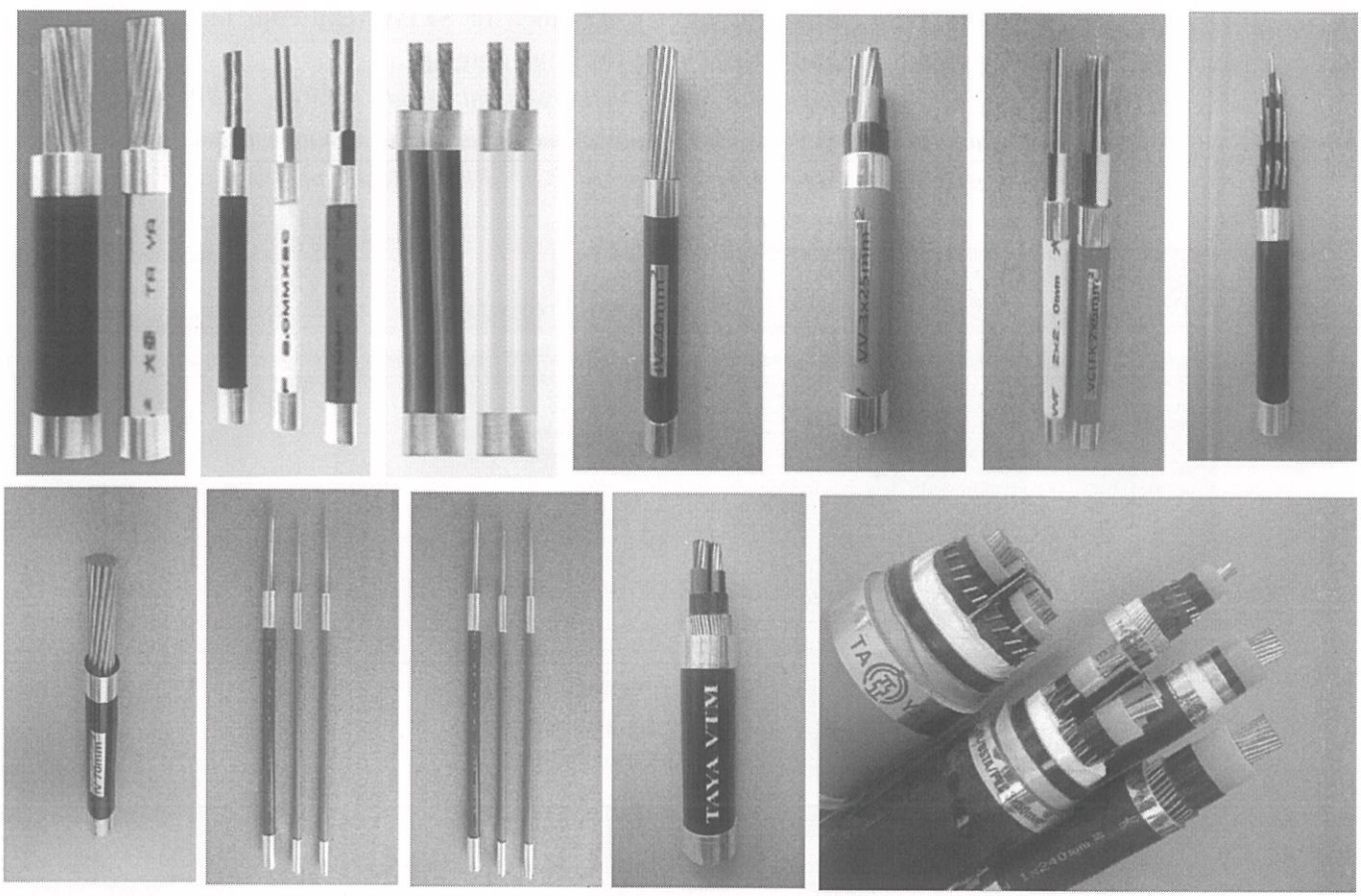
Sản phẩm tiêu biểu và hình ảnh/Typical products and images

- Dây cáp điện chống cháy, chịu nhiệt/Fire-resistant and heat-resistant electric cables.
- Dây cáp điện hạ thế từ 600V ~1.000V/Low voltage electric cables from 600V~1,000V.
- Dây cáp điện trung áp từ 1KV đến 35KV/Medium voltage electric cables from 1KV to 35KV.
- Các loại dây điện từ chịu nhiệt từ 155°C~200°C/Various heat-resistant enameled wires 155°C~200°C. (PEW, UEW, EAIW, SEIW, SPEIW...)

- **Dây cáp điện chống cháy, chịu nhiệt/Fire-resistant and heat-resistant electrical cables**



- **Chủng loại sản phẩm dây cáp điện hạ thế từ 600V~1.000V/Types of low voltage electric cables from 600V~1,000V**

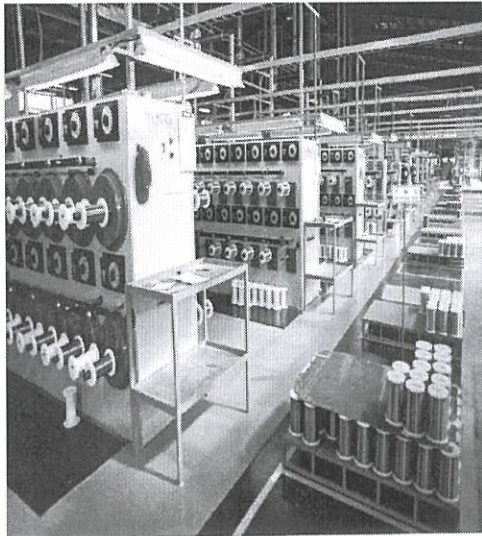


➤ Dây cáp điện trung áp từ 1KV~35 KV/Medium voltage electric cables from 1KV to 35KV



- Các loại dây điện từ PEW (cấp chịu nhiệt 155°C), dây điện từ UEW (cấp chịu nhiệt 155°C), dây điện từ EAIW (cấp chịu nhiệt 200°C), dây điện từ SEIW (cấp chịu nhiệt 180°C), dây điện từ SPEIW (cấp chịu nhiệt 180°C), dây điện từ chống tăng áp...

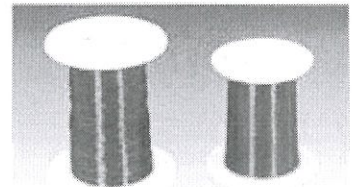
/Types of PEW electromagnetic wire (heat-resistant grade 155°C), UEW electromagnetic wire (heat-resistant grade 155°C), EAIW electromagnetic wire (heat-resistant grade 200°C), SEIW electromagnetic wire (heat-resistant grade 180°C), SPEIW electromagnetic wire (heat-resistant grade 180°C), anti-shock electromagnetic wire.



PEW

聚酯漆包銅線

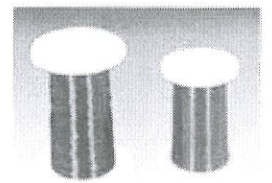
Dây điện từ Polyester
Polyester Enameled Wire
耐温等級 : 155°C
Cấp chịu nhiệt : 155°C
Thermal Rating: 155°C



PEW-NY

尼龍外被聚酯漆包銅線

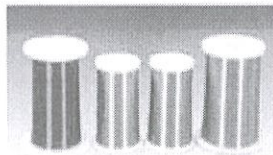
Dây điện từ Polyester với lớp Polyamide phủ ngoài
Polyamide Overcoated Polyester Enameled Wire
耐温等級 : 155°C
Cấp chịu nhiệt: 155°C
Thermal Rating: 155°C



UEW+NY

尼龍外被聚胺酯漆包銅線

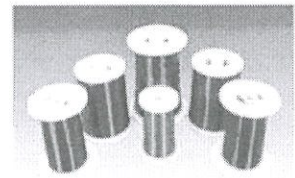
Dây điện từ Polyurethane có phủ Polyamide
Polyamide Over Polyurethane Enameled Wire
耐温等級 : 130°C/155°C
Cấp chịu nhiệt : 130°C/155°C
Thermal Rating: 130°C/155°C



UEW

聚胺酯漆包銅線

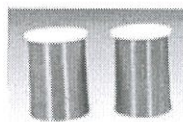
Dây điện từ Polyurethane
Polyurethane Enameled Wire
耐温等級 : 130°C/155°C/180°C
Cấp chịu nhiệt: 130°C/155°C/180°C
Thermal Rating: 130°C/155°C/180°C



EAIW

醃胺亞胺外被變性聚酯漆包銅線

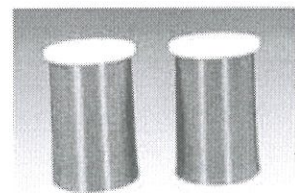
Dây điện từ Polyester-Imide được phủ Amide-Imide
Amide-Imide Overcoated Polyester-Imide Enameled Wire
耐温等級 : 200°C
Cấp chịu nhiệt: 200°C
Thermal Rating: 200°C



PVF

聚乙炔甲醛漆包銅線

Dây điện từ Polyvinyl Formal
Polyvinyl Formal Enameled Wire
耐温等級 : 105°C
Cấp chịu nhiệt: 105°C
Thermal Rating: 105°C



EAIW

醃胺亞胺外被變性聚酯漆包銅線

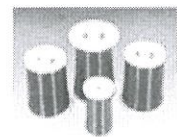
Dây điện từ Polyester-Imide được phủ Amide-Imide
Amide-Imide Overcoated Polyester-Imide Enameled Wire
耐温等級 : 200°C
Cấp chịu nhiệt: 200°C
Thermal Rating: 200°C



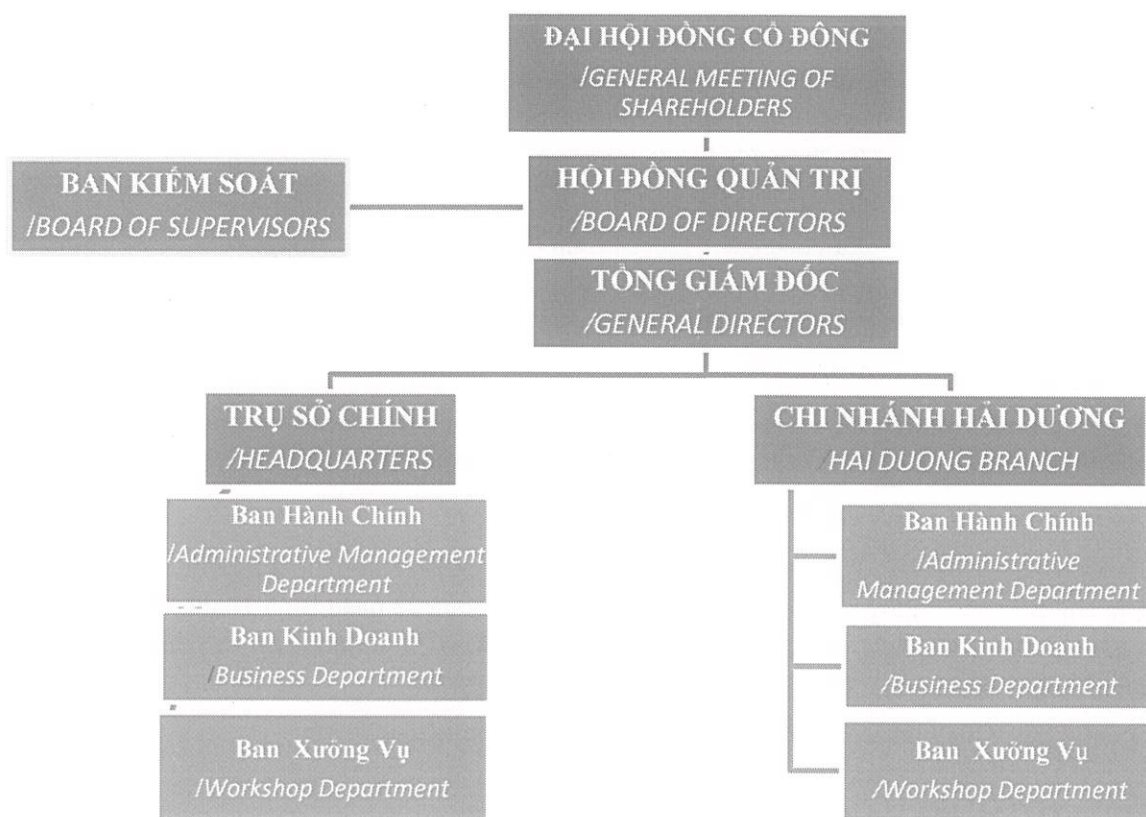
EIW

聚酯亞胺漆包銅線

Dây điện từ Polyester-Imide
Polyester-Imide Enameled Wire
耐温等級 : 180°C
Cấp chịu nhiệt: 180°C
Thermal Rating: 180°C



3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/Information about governance model, business organization and managerial apparatus:



- **Mô hình quản trị:** Gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.
Governance model: Including the General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors and General Director.
 - **Tổ chức và địa bàn kinh doanh:** Công ty tổ chức địa bàn kinh doanh trải rộng khắp cả nước, chủ yếu chia thành hai phần. Thị trường từ thành phố Đà Nẵng trở vào miền nam do trụ sở chính tại tỉnh Đồng Nai phụ trách kinh doanh. Chi nhánh công ty tại tỉnh Hải Dương phụ trách cung cấp hàng hóa cho thị trường từ thành phố Đà Nẵng trở ra miền bắc.
Organization and Location business: The company organizes its business area throughout the country, mainly divided into two parts. The market from Da Nang city to the south is managed by the head office in Dong Nai province. The company's branch in Hai Duong province is in charge of supplying goods to the market from Da Nang city to the north.
 - **Cơ cấu bộ máy quản lý/Management structure:**
 - + **Trụ sở chính và nhà máy tại tỉnh Đồng Nai:** Nơi đặt nhà máy sản xuất của Công ty tại phía Nam, có văn phòng làm việc của Tổng Giám Đốc và Các Ban chuyên trách gồm: Ban Hành chính quản trị, Ban Kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ.
 - /Head office and factory in Dong Nai province:* The Company's factory is located in the South, with the office of the General Director and specialized departments including: Administrative Management Department, Marketing and Sales Department, Workshop Department.
- Địa chỉ: Số 1, đường 1 A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam./
Address: No. 1, Street 1A, Bien Hoa II Industrial Park, Bien Hoa, Dong Nai.
- Điện thoại/TelePhone: 0251-3836 361-4 Fax: 0251-3836 388
E-mail: vndnstock@mail.taya.com.tw Website: www.taya.com.vn
- + **Chi nhánh tại tỉnh Hải Dương:** Nơi đặt nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện cung cấp cho thị trường từ các tỉnh phía Bắc đến Đà Nẵng. Chi nhánh Hải Dương có cơ cấu tổ chức bộ máy tương tự như tại Nhà

máy ở Đồng Nai. Trụ sở chính và các ban chuyên trách của Chi nhánh đặt tại Nhà máy. Đứng đầu chi nhánh là Phó Tổng Giám Đốc Taya Việt Nam.

/Branch in Hai Duong province: Where the electric wire and cable factory is located to supply markets from the Northern provinces to Da Nang. Hai Duong Branch has an organizational structure similar to the factory in Dong Nai. The Branch's headquarters and specialized departments are located at the Factory. Heading the branch is Deputy General Director of Taya Vietnam.

Địa chỉ: Km 35 QL 5 – Xã Phúc Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

/Address : Km 35 National Highway 5 – Phuc Dien Commune, Cam Giang District, Hai Duong Province.

Điện thoại TelePhone: 0220 – 3775888 0220 – 3775890~892 Fax: 0220 – 3775 896

Email: genehsu@mail.taya.com.tw

Website: www.taya.com.vn

+ **Văn phòng đại diện tại Tp.HCM:** Nơi đặt văn phòng liên lạc thương mại cung cấp dây điện và cáp điện cho thị trường Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành lân cận.

/Representative office in Ho Chi Minh City: Where the commercial liaison office is located providing electric wires and cables to the Ho Chi Minh City market and neighboring provinces.

Địa chỉ: Số 135/17/25-27, đường Nguyễn Hữu Cánh, phường 22 quận Bình Thạnh, Tp.HCM.

/Address: No. 135/17/25-27, Nguyen Huu Canh Street, Ward 22, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City.

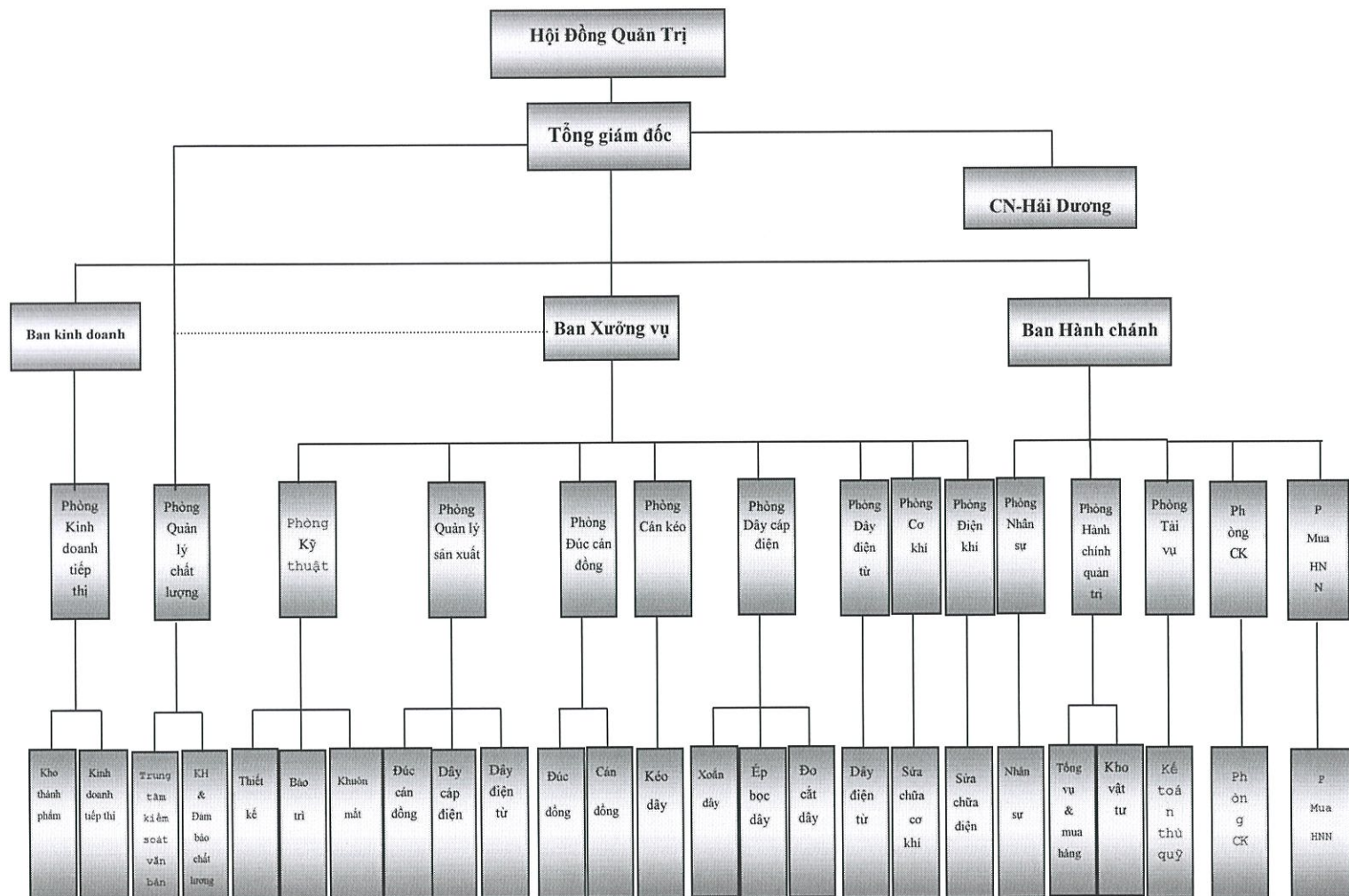
Điện thoại TelePhone: 028-35128861-3 Fax: 028-35128790

E-mail: kao@mail.taya.com.tw

Website: www.taya.com.vn

SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

/STRUCTURE DIAGRAM OF THE COMPANY'S MANAGEMENT APPARATUS



- **Các ban chuyên trách:** Là những ban trực tiếp điều hành công việc của nhà máy theo chức năng chuyên môn và nhận sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc (đối với chi nhánh Hải Dương). Cơ cấu tổ chức của Taya được thiết lập bao gồm: Ban Hành chính quản trị, Ban kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ. Chức năng nhiệm vụ của các Ban được quy định như sau:

/Specialized departments: These are the departments that directly manage the work of the factory with specialized functions and receive direction from the General Director or Deputy General Director (for Hai Duong branch). Taya's organizational structure is established including: Administrative Management Department, Sales and Marketing Department. Workshop Department, Its functions and tasks are as follows:

Ban Hành chính quản trị: Có chức năng quản lý nhân sự, quản lý tài chính, quản lý chứng khoán và quản lý tổng vụ. Thực hiện nhiệm vụ về kế toán và thủ quỹ, lương và các chính sách cho người lao động, xuất nhập khẩu và mua nguyên vật liệu, mua văn phòng phẩm và các thiết bị văn phòng, quản lý kho nguyên liệu.

/Administrative Management Department: Has the functions of human resource management, financial management, securities management and general management. Performs tasks related to accounting and treasury, salary and policies for employees, import and export and purchase of raw materials, purchase of stationery and office equipment, and management of raw material warehouse.

Ban kinh doanh tiếp thị: Có chức năng trong việc xác định mục tiêu, phương hướng hoạt động tiếp thị. Thực hiện nhiệm vụ mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, tham gia đấu thầu cung cấp sản phẩm, xây dựng giá bán và đưa ra giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy bán hàng, quản lý kho thành phẩm, vận tải hàng hóa.

/Sales and Marketing Department: Has the function of determining goals and directions of marketing activities. Carry out the task of expanding the market, finding partners, participating in bidding to supply products, setting selling prices and offering solutions to support and promote sales, manage finished product warehouses, and transport goods.

Ban xưởng vụ: Có chức năng trong việc điều hành sản xuất và bảo đảm chất lượng sản phẩm. Thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch sử dụng nguyên liệu, thực hiện các việc kiểm tra chất lượng, bảo trì sửa chữa và vận hành các máy móc thiết bị.

/Workshop department: Responsible for scheduling the company's daily production operations, inspecting and ensuring product quality, establishing production and raw material usage plans, and maintaining and repairing machinery and equipment.

- **Các công ty con, công ty liên kết:** (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

/Subsidiaries, associated companies: (Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies)

(Không có/Do not have)

4. Định hướng phát triển/Development orientations:

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/Main objectives of the Company

- Thực hiện công nghiệp 4.0 và đã trở thành 1 trong 50 nhà máy sản xuất xanh và sạch tại Việt Nam./ Implementing industry 4.0 and becoming one of 50 clean and green manufacturing factories in Vietnam.
- Xây dựng công ty trở thành nhà sản xuất dây và cáp điện hàng đầu tại Việt Nam, sản phẩm đạt chất lượng cao, có khả năng thay thế hàng nhập khẩu.
/Build the company to become a leading manufacturer of electric wires and cables in Vietnam, with quality products high, capable of replacing imported goods.

- c) Phát triển thương hiệu Taya lớn mạnh trên thị trường Việt Nam và khu vực.
/Develop Taya brand strongly in Vietnam and regional markets.
- d) Tăng trưởng doanh thu xuất khẩu đạt trên 40%/năm.
/Export revenue growth reaches over 40%/year.
- e) Chiếm 25% thị phần sản xuất dây cáp điện trong nước.
/Occupying 25% of domestic electric cable production market share.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn/Development strategies in medium and long term.

Thiết lập mục tiêu kinh doanh, sáng tạo lợi nhuận, tối đa hóa tăng trưởng giá trị tài sản dài hạn hữu hình và vô hình, kết hợp toàn diện mọi hỗ trợ đến từ các đối tác kinh doanh liên quan như: các nhà cung ứng, nhà tiêu dùng, nhân viên công ty và các tổ chức xã hội. Chuyển đổi ý tưởng “kinh doanh thu lợi” thành “đổi mới thu lợi” bao gồm: Chiến lược đổi mới về quản lý, kỹ thuật, sản phẩm và tiêu thụ, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

/Setting business goals, creating profits, maximizing the growth of tangible and intangible long-term asset value, comprehensively combining all support from related business partners such as: suppliers, consumers, company employees and social organizations. Transforming the idea of "profitable business" into "profitable innovation" including: Innovation strategies in management, technology, products and consumption, developing the company to become stronger and more sustainable.

A. Phát triển thị trường/Market development:

1. Tận dụng ưu thế thương hiệu, kỹ thuật và quản lý, tạo mối quan hệ liên kết hợp tác ngành, mở rộng quy mô kinh doanh, nâng cao vị thế tỷ trọng ngành.
/Take advantage of brand, technical and management advantages, create industry cooperation relationships, and expand business scale, enhancing industry proportion.
2. Phát triển sản phẩm ngôi sao cáp điện trung cao áp, cáp điện chịu nhiệt, chống cháy, cáp điện ít khói không độc.
/Develop star products of medium and high voltage electric cables, heat-resistant, fire-resistant electric cables, low-smoke electric cables not toxic.
3. Tích cực phát triển sản phẩm dây cáp điện bảo vệ môi trường, dây cáp điện cho năng lượng mặt trời.
/Actively develop electric cable products to protect the environment, electric cables for solar energy.

B. Phát triển nguồn nhân lực/ Human resource development:

1. Đào tạo, nâng cao tay nghề công nhân/Training and improving worker skills.
2. Thu hút nhân sự tài năng/Attract talented personnel.
3. Tập huấn tại nước ngoài/Training abroad.
4. Đãi ngộ phù hợp với xu thế chung/Remuneration consistent with general trends.

C. Đầu tư phù hợp/Appropriate investment:

Giá nguyên liệu đồng thường bị chi phối bởi cung cầu thị trường thế giới và hệ lụy đầu cơ tích trữ các định chế tài chính, quỹ đầu tư quốc tế và tác động của tỷ giá hối đoái ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận kinh doanh. Nhằm giảm thiểu rủi ro, công ty ngoài mua hàng tập trung với khối lượng lớn tạo lợi thế đàm phán về giá, công ty tìm thêm nguồn cung ứng tại chỗ khác nhau, thanh toán bằng VND và đẩy mạnh xuất khẩu tăng nguồn thu ngoại tệ cần thiết cho công ty.

/Copper material prices are often influenced by supply and demand in the world market and the consequences of speculative hoarding by financial institutions, international investment funds and the impact of exchange rates that directly affect business profits. In order to minimize risks, the company, in addition to concentrated purchasing in large volumes to create an advantage in price negotiations, also seeks out different local sources of supply, pays in VND and promotes exports to increase foreign revenue Necessary currency for the company.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính sách

liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Sustainable development goals (environmental, social and community) and related short- and medium-term policy programs of the Company*

Mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)/*Sustainable development goals (environmental, social and community)*.

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu suy yếu bởi ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Trung Mỹ và xung đột địa chính trị trên thế giới, mọi ngành nghề kinh tế đều đứng trước thách thức lớn về sự phát triển bền vững. Mỗi công ty đều phải chịu trách nhiệm trước mục tiêu phát triển của chính công ty mình, dựa vào tính đặc thù và nhiệm vụ khác biệt của mình mà chọn lựa sử dụng những phương pháp, mục tiêu, quy mô và công cụ khác nhau, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và đó chính là chính sách và mục tiêu lâu dài của công ty được đặt lên hàng đầu, cụ thể như sau:

In the context of the global economy weakening due to the impact of the Sino-US trade war and geopolitical conflicts in the world, all economic sectors are facing great challenges in sustainable development. Each company must be responsible for its own development goals, based on its own characteristics and different tasks, choose to use different methods, goals, scales and tools, to implement sustainable development goals and that is the company's long-term policy and goals that are put first, specifically as follows:

Về mặt chính sách/*In terms of policy:*

Chính sách CSR (trách nhiệm xã hội doanh nghiệp)/*CSR policy (corporate social responsibility)*

Trên con đường CSR, công ty hiểu rằng một doanh nghiệp cần quan tâm không chỉ riêng công ty mình, mà còn phải tìm ra một hướng đi để chính sách phát triển của công ty trùng khớp, phù hợp với Chính sách CSR. Cách của chúng tôi là kết hợp CSR với chiến lược phát triển thương mại để trở thành một thương hiệu có trách nhiệm với xã hội. Chúng tôi cho rằng **thương hiệu** là một tài sản rất quan trọng của một doanh nghiệp.

/On the CSR path, the company understands that a business needs to care not only about its own company, but also to find a direction so that the company's development policy coincides and is consistent with the CSR Policy. Our way is to combine CSR with commercial development strategies to become a socially responsible brand. We believe that a brand is a very important asset of a business.

➤ **Tầm nhìn:** Phấn đấu trở thành thương hiệu dẫn đầu tiếp nối nguồn năng lượng, sản phẩm thân thiện với môi trường, là bàn tay xúc tiến xây dựng quê nhà an toàn sạch đẹp, là chỗ dựa vững chắc, được tin cậy bởi người lao động, khách hàng, cổ đông và cộng đồng xã hội.

/Vision: Strive to become a leading brand that continues to source energy and environmentally friendly products, is the hand promoting building a safe, clean and beautiful homeland, is a solid support, trusted by people, workers, customers, shareholders and social community.

➤ **Thực hành và theo đuổi:** Gắn kết với công nghệ kỹ thuật hiện đại, cam kết chính sách CSR trùng khớp với chính sách phát triển doanh nghiệp và quyết tâm tiến tới mục tiêu phát triển bền vững.

/Practice and pursue: Connecting with modern technology, committing to CSR policies that coincide with corporate development policies and determining to move towards sustainable development goals.

➤ **Giá trị của ý tưởng:** Không ngừng nâng cao sự hoàn hảo, cùng tồn tại cùng phát triển, vững vàng thành tín, sáng tạo và đổi mới.*/Value of ideas: Continuously improve perfection, coexist and develop, steadfast and faithful, creative and innovative.*

Bảo vệ môi trường an toàn, sạch, đẹp/*Protecting a safe, clean and beautiful environment*

Những năm qua, Tập đoàn Taya huy động mọi nguồn lực nghiên cứu, phát triển, sản xuất ra thị trường các loại cáp điện bảo vệ môi trường. Trong đó, sản phẩm Dây điện từ cách điện 3 lớp (0.6~1.0mm) đã nhận Chứng nhận hợp chuẩn “Dấu tích Carbon” (lượng khí thải CO₂), những sản phẩm này sử dụng nguyên liệu nhựa (pvc) không chứa nguyên tố HALOGEN (F, Cl, Br, I, At, Uus) độc hại, có khả năng

chống lan cháy, ít khói không độc (không sản sinh ra khí độc Dioxin, Hydracid khi bị cháy). Những công trình công cộng và nhà ở sử dụng sản phẩm của công ty, đã thực sự cảm nhận được sự đảm bảo an toàn không độc hại, góp phần tạo dựng môi trường sống lành mạnh, sạch đẹp trong xã hội.

In recent years, Taya Group has mobilized all resources to research, develop, and produce environmental protection electric cables for the market. In there, product 3-layer insulated enameled wires (0.6~1.0mm) Received Certificate of Compliance for "Carbon Footprint" (CO2 emissions), these products use plastic materials (pvc) that do not contain toxic HALOGEN elements (F, Cl, Br, I, At, Uus) and are resistant to fire spread. Low smoke, non-toxic (does not produce toxic gases Dioxin, Hydracid when burned). Public works and housing that use the company's products have truly felt the assurance of non-toxic safety, contributing to creating a healthy, clean and beautiful living environment in society.

Trách nhiệm xã hội và cộng đồng/Social and community responsibility

Việc kinh doanh và hoạt động của một công ty sẽ mang lại những ảnh hưởng không chỉ riêng cho công ty, mà còn góp phần tạo dựng niềm hạnh phúc trong xã hội. Một công ty được gọi là phát triển bền vững, phải là một công ty cùng hài hòa, cùng phát triển, cùng tồn tại với nơi công ty đặt trụ sở tại đó. Nhiều năm qua, công ty không ngừng tài trợ học bổng, khuyến khích sinh viên, học sinh là con em công nhân chăm chỉ học hành, tài trợ học phí toàn phần cho cán bộ, công nhân đào tạo chuyên sâu nghề, học tốt ngoại ngữ hoặc tiếp tục chương trình đại học từng bị gián đoạn, giúp người lao động trang bị kiến thức, cải tiến năng lực nghề và trình độ ngoại ngữ, tạo cơ hội việc làm cho người lao động và xã hội.

The business and operations of a company will not only have an impact on the company itself, but also contribute to creating happiness in society. A company that is called sustainable development must be a company that is in harmony, develops together, and coexists with the place where the company is headquartered. Over the years, the company has continuously sponsored scholarships, encouraged students who are children of workers to study hard, sponsored full tuition for staff and workers to receive specialized vocational training, study foreign languages well or continue the university program that was interrupted, helping workers to equip themselves with knowledge, improve their vocational skills and foreign language proficiency, creating job opportunities for workers and society.

5. Các rủi ro/Risks:

- 5.1. Rủi ro tỷ giá hối đoái:** Công ty có rủi ro về tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bán, mua và đi vay bằng ngoại tệ chủ yếu là USD./**Exchange rate risk:** The Company has exchange rate risk from sales, purchases and borrowing transactions in foreign currencies, mainly USD.

Cách dự phòng/Risk prevention

Rủi ro tỷ giá hối đoái của công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

The Company's foreign exchange risk is managed by keeping the exposure to an acceptable level through the purchase or sale of foreign currencies at spot rates when necessary to address short-term excesses in foreign exchange risk.

- 5.2. Rủi ro môi trường:** các rủi ro môi trường thường gặp trong công ty là: ô nhiễm không khí, ô nhiễm nước, ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm bức xạ và ô nhiễm nhiệt./**Environmental risks:** Common environmental risks in companies are: air pollution, water pollution, noise pollution, radiation pollution and thermal pollution.

- a) Ô nhiễm không khí chủ yếu là khói, khí thải phát tán ra môi trường trong vận hành hệ thống sản xuất.
Air pollution is mainly smoke and exhaust gases released into the environment during the operation of the production system.
- b) Ô nhiễm nước chủ yếu là nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp thải ra môi trường từ nhà máy.
Water pollution is mainly domestic wastewater and industrial wastewater discharged into the environment from factories.
- c) Ô nhiễm tiếng ồn chủ yếu là tiếng ồn từ máy móc thiết bị trong quá trình vận hành sản xuất.
Noise pollution is mainly noise from machinery and equipment during production operations.
- d) Ô nhiễm bức xạ chủ yếu là ô nhiễm bức xạ điện từ của thiết bị sản xuất.
Radiation pollution is mainly electromagnetic radiation pollution of production equipment.
- e) Ô nhiễm nhiệt chủ yếu là nhiệt độ sản sinh từ máy móc thiết bị trong quá trình vận hành sản xuất.
Thermal pollution is mainly heat produced from machinery and equipment during production operations.

Cách dự phòng/Risk prevention

- a) Sử dụng các loại vật liệu môi tiếp nhập khẩu để lọc và khử mùi các khí thải như khí carbon, khói thải trước khi thải ra khỏi nhà máy.
Use imported media materials to filter and deodorize exhaust gases such as carbon gas and exhaust smoke before being discharged from the factory.
- b) Nước thải sinh hoạt nhà máy được thải vào hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp để xử lý tập trung. Công ty không có nước thải công nghiệp trong ngành sản xuất dây cáp điện, chỉ một khối lượng nhỏ nước sạch dùng để giảm nhiệt sản phẩm theo phương pháp tuần hoàn trong quy trình sản xuất. Nước sạch giảm nhiệt được chứa trong bể bê tông cốt thép kiên cố, không rò rỉ, không thải ra môi trường bên ngoài.
Factory domestic wastewater is discharged into the industrial park's wastewater treatment system for centralized treatment. The company does not have industrial wastewater in the electric cable manufacturing industry, only a small amount of clean water is used to reduce product heat by the circulating method in the production process. Clean cooled water is stored in solid reinforced concrete tanks, does not leak, and is not discharged into the outside environment.
- c) Máy móc và thiết bị sản xuất của công ty không gây ra tiếng ồn lớn, chỉ duy nhất một máy cán kéo lớn có gây tiếng ồn và công ty trang bị dụng cụ chống tiếng ồn cho công nhân.
The company's machinery and production equipment do not make loud noise, only one large rolling machine makes noise and the company equips workers with anti-noise devices.
- d) Công ty không sử dụng thiết bị có bức xạ điện từ công suất lớn.
The company does not use equipment with high-power electromagnetic radiation.
- e) Tất cả nhà xưởng sản xuất đều mở cửa thông thoáng, máy móc thiết bị của công ty không tạo ra sức nhiệt ảnh hưởng sức khỏe con người.
All production factories are open and airy, the company's machinery and equipment do not create heat that affects human health.
- f) Xung quanh nhà xưởng trồng hoa, cỏ và cây xanh lâu năm, không chặt phá bừa bãi.
Plant flowers, grass and perennial trees around the factory, do not cut them down indiscriminately.

5.3. Rủi ro thiên tai, dịch bệnh: Rủi ro thiên tai và dịch bệnh có thể gây ra thiệt hại lớn về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế – xã hội nói chung và công ty nói riêng.
Risks of natural

disasters and epidemics: Risks of natural disasters and epidemics can cause great damage to people, property, the environment, living conditions and socio-economic activities in general and companies in particular:

- a) Rủi ro thiên tai như gió bão, địa chấn, mưa lụt và sạt lở...có thể đe dọa đến hoạt động sản xuất của công ty. Có 3 đới địa chấn chính trên thế giới: Đới địa chấn Vành đai Thái Bình Dương, Đới địa chấn Á-Âu và địa chấn Ridge (vùng núi dưới biển). Theo lý thuyết về các mảng kiến tạo toàn cầu, vỏ trái đất được chia thành các mảng lớn và nhỏ vận động tương đối với nhau bởi một số đới hoạt động kiến tạo. Hầu hết các trận động đất trên thế giới đều xảy ra trên ranh giới của các mảng lớn. Do Việt Nam nằm trong Mảng kiến tạo bán đảo Đông dương, cách xa rìa của mảng chuyển động nên hiếm khi xảy ra động đất mạnh và hầu như không có động đất và sóng thần hủy diệt. Mặc dù có bão, lũ và sạt lở đất ở Việt Nam nhưng không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty tại địa bàn tỉnh Đồng Nai.

/Natural disaster risks such as windstorms, earthquakes, floods and landslides... can threaten the company's production activities. There are three main seismic zones in the world: the Pacific Rim seismic zone, the Eurasian seismic zone and the Ridge seismic zone (undersea mountains). According to the theory of global plate tectonics, the earth's crust is divided into large and small plates moving relative to each other by a number of tectonically active zones. Most of the world's earthquakes occur on the boundaries of large plates. Because Vietnam is located in the Indochina Peninsula Tectonic Plate, far from the edge of the moving plate, strong earthquakes rarely occur and there are almost no destructive earthquakes and tsunamis. Although there are storms, floods and landslides in Vietnam, they do not affect the company's business activities in Dong Nai province.

- b) Rủi ro dịch bệnh: như dịch bệnh Covid-19 trước đó đã thực sự gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh sản xuất của công ty./*Epidemic risk: such as the previous Covid-19 epidemic which has really affected the company's production and business activities.*

II. Tình hình hoạt động trong năm/*Operations in the Year:*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/*Situation of production and business operations.*

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/*Results of business operations in the year:*

CHỈ TIÊU <i>/Indicators</i>	Năm/Year 2024	Năm/Year 2023	Tăng/giảm Kim ngạch/ <i>Amount</i> <i>increase/decrease</i>	Tăng/giảm change <i>(%)</i>
Doanh thu/Revenus	1.860.879.482.477	1.467.791.489.154	393.087.993.323	26,78%
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp/ <i>Sales and anagementtration expenses</i>	77.486.859.985	67.680.031.433	9.806.828.552	14,49%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i>	97.125.336.407	17.851.616.997	79.273.719.410	444,07%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i>	77.574.250.113	961.317.011	76.612.933.102	7.969,58%

So với năm 2023, doanh thu năm 2024 đạt 1.860.879.482.477 đồng, tăng 26,78%; lợi nhuận tăng 7.969,58%. Nguyên nhân do năm 2023 kinh tế thế giới suy yếu ảnh hưởng việc kinh doanh không như dự kiến, Bước sang năm 2024 kinh tế thế giới khởi sắc trở lại, công ty tiêu thụ sản phẩm thuận lợi và giá cả PVC nguyên liệu đầu vào được kiểm soát hiệu quả, giảm chi phí sản xuất cả chi phí lãi vay ngân hàng vì vậy năm 2024

công ty kinh doanh có lãi./Compared to 2023, revenue in 2024 reached 1,860,879,482,477VND, increase of 26.78%; profit increased by 7,969.58%. The reason is that in 2023, the world economy weakened, affecting business as expected. In 2024, the world economy recovered, the company consumed products smoothly and the price of PVC raw materials was effectively controlled, reducing production costs and bank loan interest costs, so in 2024, the company's business was profitable.

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch/Implementation situation/actual progress against the plan:

(Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch)

/(Specifically analyze the reasons for not achieving/achieving/exceeding the targets compared to the plan).

CHỈ TIÊU /Indicators	Thực hiện Năm /Perform year 2024	Kế hoạch năm /Plan year 2024	Tăng/giảm Kim ngạch/ Amount increase/decrease	Tăng/giảm change (%)
Doanh thu/Revenue	1.860.879.482.477	1.589.116.498.701	271.762.983.776	17,10%
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp/Sales and anagementtration expenses	77.486.859.985	70.873.625.825	6.613.234.160	9,33%
Lợi nhuận trước thuế /Before tax profit	97.125.336.407	43.703.525.549	53.421.810.858	122,24%
Lợi nhuận sau thuế /After tax profit	77.574.250.113	35.550.806.061	42.023.444.052	118,21%
LN sau thuế/Doanh thu (%) /After tax profit/Revenue(%)	4,17	2,24	-	-
LN sau thuế/Vốn cổ phần (%) /After tax profit/Share capital (%)	25,28	11,58	-	-

So với kế hoạch, doanh thu năm 2024 tăng 17,10%; lợi nhuận sau thuế tăng 118,21% nguyên nhân như sau:
/Compared to the plan, revenue in 2024 increased by 17.10%; profit after tax increased by 118.21% for the following reasons:

Phân tích nguyên nhân không đạt/đạt/vượt chỉ tiêu/Analyze reasons for not meeting/meeting/exceeding targets:

1. Tăng doanh thu và lợi nhuận : Năm 2024 kinh tế thế giới khởi sắc trở lại, công ty tiêu thụ sản phẩm thuận lợi và giá cả PVC nguyên liệu đầu vào được kiểm soát hiệu quả, giảm chi phí sản xuất cả chi phí lãi vay ngân hàng vì vậy năm 2024 công ty kinh doanh có lãi.

/Increase revenue and profit: In 2024, the world economy prospers again, the company's product consumption is favorable and the price of PVC input materials is effectively controlled, reducing production costs and bank loan interest costs, so in 2024 the company will be profitable.

2. Tổ chức và nhân Sự/Organization and Human resource

2.1 Cơ cấu tổ chức/Organizational structure

- Hội đồng quản trị gồm tám (8) người: 1 chủ tịch; 1 phó chủ tịch; 3 thành viên thường vụ, 3 thành viên độc lập./The Board of Directors consists of eight (8) people: 1 Chairman;1 Vice Chairman; 3 independent members, 3 members.
- Ban kiểm soát gồm ba (3) người: 1 trưởng ban; 2 thành viên./The Supervisory Board consists of three (3) people: 1 Chief Supervisor; 2 members.
- Một tổng giám đốc: chịu trách nhiệm trụ sở chính công ty tại tỉnh Đồng Nai./One General Director:

responsible for the company's headquarters in Dong Nai province.

- Một phó tổng giám đốc: chịu trách nhiệm tại chi nhánh tỉnh Hải Dương./*One deputy General Director: responsible for Hai Duong province branch.*
- Một kế toán trưởng: chịu trách nhiệm về tài chính kế toán của công ty./*One chief accountant: responsible for the company's finances and accounting.*
- Các giám đốc, phó giám đốc; xưởng trưởng, phó xưởng trưởng; trưởng văn phòng đại diện; các trưởng phòng, phó phòng của các phòng ban./*Directors, deputy directors; factory managers, deputy factory managers; heads of representative offices; department heads, deputy department heads of departments.*

2.2 Danh sách Ban điều hành/List of Executive Board:

● Ông/Mr. Hsu Ching Yao

Chức vụ hiện tại/*Current position*: Tổng giám đốc/*General Director*

chức vụ khác/*Other positions*: không/*no*

Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: 31/12/1967

Nơi sinh/*Place of birth*: Taiwan

Quốc tịch/*Nationality*: Taiwan (R.O.C) Dân tộc/*Ethnicity*: Hán/*Han*

Trình độ văn hóa/*Education level*: Đại học Fung Chia Đài Loan/*Taiwan Fung Chia University* (Quản trị kinh doanh/*Business Administration*)

Cổ phần nắm giữ/*Shares held*: 0 cổ phần/*Shares*.

● Ông/Mr. Huang Shih Che

Chức vụ hiện tại/*Current position*: phó Tổng giám đốc chi nhánh công ty tại tỉnh Hải Dương/*Deputy General Director of the company's branch in Hai Duong province.*

Kiểm chức vụ khác/*Other positions*: không/*no*

Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: 03/04/1974

Nơi sinh/*Place of birth*: Taiwan

Quốc tịch/*Nationality*: Taiwan (R.O.C) Dân tộc/*Ethnicity*: Hán/*Han*

Trình độ văn hóa/*Education level*: Đại học Kun Shan Đài Loan/*Taiwan Kun Shan University* (Thạc sĩ Quản trị kinh doanh/*Master of Business Administration*).

Cổ phần nắm giữ/*Shares held*: 0 cổ phần/*Shares*.

● Ông/Mr. Su Yu Chun

Chức vụ hiện tại/*Current position*: Kế toán trưởng/*Chief Accountant*.

Kiểm chức vụ khác/*Other positions*: không/*no*

Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: 14/01/1972

Nơi sinh/*Place of birth*: Taiwan

Quốc tịch: /*Nationality*: Taiwan (R.O.C) Dân tộc/*Ethnicity*: Hán/*Han*

Trình độ văn hóa/*Education level*: MBA Đại học Texas, Hoa Kỳ/*MBA University of Texas, USA.*

Cổ phần nắm giữ/*Shares held*: 0 cổ phần/*Shares*.

● Ông/Mr. Trương Thanh Hào

Chức vụ hiện tại/*Current position*: Giám đốc kinh doanh/*Business Director*.

Kiểm chức vụ khác/*Other positions*: không/*no*

Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: 24/08/1960

Nơi sinh/*Place of birth*: T.p Hồ Chí Minh/*Ho Chi Minh City*

Quốc tịch /*Nationality*: Việt Nam Dân tộc/*Ethnicity*: Hoa/*Chinese*

Trình độ văn hóa/*Education level*: Đại học/*University*

Cổ phần nắm giữ/*Shares held*: 0 cổ phần/*Shares*

● **Ông/Mr: Chang Yun Cheng**

Chức vụ hiện tại/*Current position*: Giám đốc hành chính/*Administrative Director*

Kiểm chức vụ khác/*Other positions*: người phụ trách QTCT và Trưởng kiểm toán nội bộ/*person in charge of corporate governance and head of internal audit*

Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: 24/10/1969

Nơi sinh/*Place of birth*: Tainan City

Quốc tịch: /*Nationality*: Taiwan (R.O.C) Dân tộc/*Ethnicity*: Hán/*Han*

Trình độ văn hóa/*Educ ation level*: Đại học (khoa thương mại quốc tế)/*University (faculty of international trade)*

Cổ phần nắm giữ/*Shares held*: 0 cổ phần/*Shares*

● **Ông/Mr: Lu Pin Ting**

Chức vụ hiện tại/*Current position*: giám đốc sản xuất/*Factory Director*

Kiểm chức vụ khác/*Other positions*: không/*no*

Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: 21/12/1974

Nơi sinh:/*Place of birth*: Taiwan

Quốc tịch: /*Nationality*: Taiwan (R.O.C) Dân tộc/*Ethnicity*: Hán/*Han*

Trình độ văn hóa/*Educ ation level*: Chia Nan University of Pharmacy and Science

Cổ phần nắm giữ/*Shares held*: 0 cổ phần/*Shares*

2.3 Những thay đổi trong Ban Điều hành/changes in the Board of Management

- Không thay đổi/*Constant*

2.4 Số lượng cán bộ, nhân viên/Number of staffs

Tổng số lao động tại Trụ sở chính Đồng Nai và Chi nhánh Hải Dương tại thời điểm 31/12/2024 là 330 người với 105 cán bộ quản lý. Lao động nước ngoài 12 người chiếm 3,64% tổng số lao động và chủ yếu giữ các vị trí quản lý/*The total number of employees at Dong Nai Headquarters and Hai Duong Branch as of December 31, 2024 is 330 people with 105 managers. 12 foreign workers account for 3.64% of the total number of employees and mainly hold management positions.*

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/investment activities, project implementation

3.1 Các khoản đầu tư lớn/Major investments

- Không có/*Do not have.*

3.2 Các công ty con, công ty liên kết/Subsidiaries, associated companies:

- Không có/*Do not have.*

4. Tình hình tài chính/Financial situation

a) Tình hình tài chính/Financial situation

(VND)

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	Năm/ <i>Year</i> 2024	Năm/ <i>Year</i> 2023	% tăng giảm/ % <i>change</i>
-----------------------------	-----------------------	-----------------------	------------------------------------

Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	1.225.846.712.407	955.342.703.130	128,31
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	1.860.877.702.477	1.467.791.489.154	126,78
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / <i>Profit from business activities</i>	97.706.054.992	22.415.797.771	435,88
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	397.424.892	465.954.247	85,29
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	97.125.336.407	17.851.616.997	544,07
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	77.574.250.113	961.317.011	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>	-	-	-

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial indicators:*

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	ĐV	2024	2023	Ghi chú / <i>Note</i>
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán(<i>Solvency ratio</i>)				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn(<i>Current ratio</i>): Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)	%	169,07	183,27	
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset – Inventories/Short term Debt</i>	%	127,12	123,46	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn(<i>capital structure Ratio</i>)				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản(<i>Debt/Total assets ratio</i>)	%	169,07	49,78	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu(<i>Debt/Owner's Equity ratio</i>)	%	55,16	99,14	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động(<i>Operation capability Ratio</i>)				
+ Vòng quay hàng tồn kho(<i>Inventory turnover</i>): Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	%	589,37	421,94	
+ Vòng quay tổng tài sản(<i>Total asset turnover</i>): Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (<i>Net revenue/ Average Total Assets</i>)	%	170,63	146,56	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/<i>Profitability</i>				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax / Net revenue</i>)	%	4,17	0,07	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu(ROE) (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	%	14,11	0,20	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản(ROA) (<i>profit after tax / Total assets Ratio</i>)	%	6,33	0,10	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Profit from business activities/ Net revenue</i>)	%	5,25	1,53	

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	ĐV	2024	2023	Ghi chú / Note

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholders structure, change in the owner's equity

a) Cổ phần/Shares:

Tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty tại thời điểm báo cáo là: 30.689.945 cổ phần thuộc cổ phần phổ thông, trong đó số lượng cổ phiếu quỹ là: 9.363 cổ phần. Số lượng cổ phần được chuyển nhượng tự do là: 6.125.410 cổ phần. Số lượng cổ phần chưa niêm yết là : 24.555.172 cổ phần, hạn chế chuyển nhượng là 9.206.983 cổ phần (cổ đông sáng lập nước ngoài cam kết nắm giữ 30% cổ phần trong suốt thời gian dự án hoạt động).

/The total number of outstanding shares of the Company at the time of reporting is: 30,689,945 shares of common stock, of which the number of treasury shares is: 9,363 shares. The number of freely transferred shares is: 6,125,410 shares. Number of unlisted shares is: 24,555,172 shares, transfer restriction is 9,206,983 shares (foreign founding shareholders commit to holding 30% of shares during the project's operation).

b) Cơ cấu cổ đông Shareholders structure: (tại/on 11/03/2025):

Cổ đông /Shareholders	Trong nước /Domestic shareholders		Nước ngoài /Foreign shareholders		Tổng cộng /Total	
	Cổ phần/ Shares	Tỷ lệ/ Proportion (%)	Cổ phần/ Shares	Tỷ lệ/ Proportion (%)	Cổ phần/ Shares	Tỷ lệ/ Proportion (%)
Tổng cổ phần/ Total shares	3.802.041	12,39	26.887.904	87,61	30.689.945	100
Cổ đông lớn /major shareholders	-	-	24.555.172	80,01	24.555.172	80,01
Sở hữu nhà nước /state shareholders	-	-	-	-	-	-
Cổ đông tổ chức/ Legal person shareholder	284.416	0,93	1.247.412	4,06	1.531.828	4,99
Cổ đông cá nhân/ Individual shareholders	3.508.262	11,43	1.085.320	3,54	4.593.582	14,97
Cổ phiếu quỹ/ Treasury shares	9.363	0,03	-	-	9.363	0,03
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/Maximum foreign ownership ratio						100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Change in the owner's equity:

STT /No	Cổ đông sáng lập/ Founding shareholder	Địa chỉ/Address	Cổ phần nắm giữ/ Shares held	Tỷ lệ/ Proportion %
Vốn cổ phần tại ngày 31/12/2005: 182.676.270.000 VND, tương đương 18.267.627 cổ phần./Share capital as of December 31, 2005: 182,676,270,000 VND, equivalent to 18,267,627 shares				100%
01	Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Á.	Số 249, đường Trung Sơn, đoạn 2, khu Quan Miếu, T.p Đà	109.606.220.000VND	60%

	(Taya Electric Wire & Cable Co.,Ltd) (chưa niêm yết/Not listed stock)	Nam, Đài Loan./No. 249, Zhongshan Road, Section 2, Quan Mieu Area, Tainan City, Taiwan.		
02	Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Triển. (Cuprime Material Co.,Ltd) (chưa niêm yết/Not listed stock)	Số 35-2, Xã Phú Nguyên, Thôn Quan Âm, Huyện Đào Viên, Đài Loan./No. 35-2, Phu Nguyen Xa, Quan Am Village, Taoyuan District, Taiwan.	36.535.250.000VND	20%
03	Cổ đông khác /Other shareholders (đã Niêm yết/Listed shares)	Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM./Ho Chi Minh City Stock Exchange.	36.534.800.000VND	20%
Ngày 04/04/2006, Chia cổ tức năm 2004 bằng cổ phiếu với mức 15% = 2.740.070 cổ phiếu (bỏ số lẻ)/ On April 4, 2006, 2004 dividend payment in shares at 15% = 2,740,070 shares (omit decimals) Ngày 24/07/2006, Chia cổ tức năm 2005 bằng cổ phiếu với mức 15% = 3.150.711 cổ phiếu (bỏ số lẻ)/ On July 24, 2006, 2005 dividend payment in shares at 15% = 3,150,711 shares (omit decimals)				
Vốn cổ phần tại ngày 31/12/2006: 241.584.080.000 VND, tương đương 24.158.408 cổ phần./ Share capital as of December 31, 2006: 241,584,080,000 VND, equivalent to 24,158,408 shares				Tỷ lệ Proportion 100%
01	Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Á. (Taya Electric Wire & Cable Co.,Ltd) (chưa niêm yết/Not listed stock)	Số 249, đường Trung Sơn, đoạn 2, khu Quan Miếu, T.p Đài Nam, Đài Loan./No. 249, Zhongshan Road, Section 2, Quan Mieu Area, Tainan City, Taiwan	144.954.100.000VND	60%
02	Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Triển. (Cuprime Material Co.,Ltd) (chưa niêm yết/Not listed stock)	Số 35-2, Xã Phú Nguyên, Thôn Quan Âm, Huyện Đào Viên, Đài Loan./No. 35-2, Phu Nguyen Xa, Quan Am Village, Taoyuan District, Taiwan.	48.317.700.000VND	20%
03	Cổ đông khác /Other shareholders (đã Niêm yết/Listed shares)	Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM/Ho Chi Minh City Stock Exchange	48.312.208.000VND	20%
Ngày 10/07/2007, chia cổ tức năm 2006 bằng cổ phiếu với mức 10% = 2.415.140 cổ phiếu (bỏ số lẻ) /On July 10, 2007, 2006 dividend in shares was paid at 10% = 2,415,140 shares (omit decimals)				
Vốn cổ phần tại ngày 31/12/2007: 265.735.480.000 VND, tương đương 26.573.548 cổ phần./ Share capital as of December 31, 2007: 265,735,480,000 VND, equivalent to 26,573,548 shares				Tỷ lệ/ Proportion %
01	Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Á. (Taya Electric Wire & Cable	Số 249, đường Trung Sơn, đoạn 2, khu Quan Miếu, T.p Đài Nam, Đài Loan. /No.	159.949.500.000VND	60%

	Co.,Ltd) (chưa niêm yết/Not listed stock)	249, Zhongshan Road, Section 2, Quan Mieu Area, Tainan City, Taiwan		
02	Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Triển. (Cuprime Material Co.,Ltd) (chưa niêm yết/Not listed stock)	Số 35-2, Xã Phú Nguyên, Thôn Quan Âm, Huyện Đào Viên, Đài Loan. /No. 35-2, Phu Nguyen Xa, Quan Am Village, Taoyuan District, Taiwan.	53.149.400.000VND	20%
03	Cổ đông khác/Other shareholders (đã Niêm yết/Listed shares)	Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM./Ho Chi Minh City Stock Exchange	52.636.580.000VND	20%
Ngày 08/07/2008 Chia cổ tức năm 2007 bằng cổ phiếu với mức 5% = 1.327.829 cổ phiếu (bỏ số lẻ)/ July 8, 2008 Dividend for 2007 in shares at 5% = 1,327,829 shares (omit decimals)				
Vốn cổ phần tại ngày 31/12/2008: 279.013.770.000 VND, tương đương 27.901.377 cổ phần./ Share capital as of December 31, 2008: 279,013,770,000 VND, equivalent to 27,901,377 shares				Tỷ lệ/ Proporti on%
01	Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Á. (Taya Electric Wire & Cable Co.,Ltd) (chưa niêm yết/Not listed stock)	Số 249, đường Trung Sơn, đoạn 2, khu Quan Miếu, T.p Đài Nam, Đài Loan./ /No. 249, Zhongshan Road, Section 2, Quan Mieu Area, Tainan City, Taiwan	167.421.970.000VND	60%
02	Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Triển. (Cuprime Material Co.,Ltd) (chưa niêm yết/Not listed stock)	Số 35-2, Xã Phú Nguyên, Thôn Quan Âm, Huyện Đào Viên, Đài Loan. /No. 35-2, Phu Nguyen Xa, Quan Am Village, Taoyuan District, Taiwan.	55.806.870.000VND	20%
03	Cổ đông khác/Other shareholders (đã Niêm yết/Not listed stock)	Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM./Ho Chi Minh City Stock Exchange	55.784.930.000VND	20%
Vốn cổ phần từ năm 2009~năm 2015 vẫn duy trì 279.013.770.000 VND (bù lỗ không chia cổ tức)/ Share capital from 2009~2015 still maintained 279,013,770,000 VND (loss compensation without dividends)				
Tháng 5 năm 2016, hai Cổ đông sáng lập của công ty bao gồm: Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Á sang nhượng 16.742.197 cổ phần và Công ty cổ phần hữu hạn dây và cáp điện Đại Triển sang nhượng 5.580.687 cổ phần, tổng cộng 22.322.884 cổ phần cho tổ chức Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd. / In May 2016, two founding shareholders of the company including: Taya Electric Wire & Cable Co.,Ltd transferred 16,742,197 shares and Cuprime Material Co.,Ltd transferred 5,580,687 shares, total of 22,322,884 shares for Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.				

01	Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd(<i>chưa niêm yết/Not listed stock</i>)	Cayman Islands	223.228.840.000VND	80%
02	Cổ đông khác/ <i>Other shareholders (đã Niêm yết/Not listed stock)</i>	Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM/ <i>Ho Chi Minh City Stock Exchange</i>	55.784.930.000VND	20%
Ngày 07/07/2016 Chia cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu với mức 10% = 2.788.568 cổ phiếu (bỏ số lẻ) <i>July 7, 2016 Dividend payment for 2015 in shares at 10% = 2,788,568 shares (omit decimals)</i>				
Vốn cổ phần tại 31/12/2016: 306.899.450.000 VND, tương đương 30.689.945 cổ phần./ <i>Share capital as of December 31, 2016: 306,899,450,000 VND, equivalent to 30,689,945 shares.</i>				Tỷ lệ <i>Proportion</i>
01	Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd(<i>chưa niêm yết/Not listed stock</i>)	Cayman Islands	245.551.720.000VND	80%
02	Cổ đông khác/ <i>Other shareholders (đã Niêm yết/Not listed stock)</i>	Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM/ <i>Ho Chi Minh City Stock Exchange</i>	61.347.730.000VND	20%
Vốn cổ phần tại 31/12/2017: 306.899.450.000 VND, tương đương 30.689.945 cổ phần./ <i>Share capital as of December 31, 2017: 306,899,450,000 VND, equivalent to 30,689,945 shares.</i>				
01	Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd(<i>chưa niêm yết/Not listed stock</i>)	Cayman Islands	245.551.720.000VND	80%
02	Cổ đông khác/ <i>Other shareholders (đã Niêm yết/Not listed stock)</i>	Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM/ <i>Ho Chi Minh City Stock Exchange</i>	61.347.730.000VND	20%
Vốn cổ phần các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024 vẫn giữ nguyên 306.899.450.000 VND, tương đương 30.689.945 cổ phần không thay đổi./ <i>Shares capital in 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024 remains 306,899,450,000 VND, equivalent to 30,689,945 shares unchanged.</i>				

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: cổ phiếu quỹ năm 2024 của công ty là 9.363 cổ phiếu./*Treasury stock transactions: the company's 2024 treasury shares are 9,363 shares.*

Công ty không giao dịch cổ phiếu quỹ/*The company does not trade treasury shares.*

e) Các chứng khoán khác/*Other securities:* công ty không phát hành chứng khoán khác/*The company does not issue other securities.*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/*Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company.*

6.1. Tác động lên môi trường/*Impact on the environment:*

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/*Total direct and indirect GHG emission*

Nhiên liệu: Hoạt động sản xuất dây cáp điện của công ty chủ yếu sử dụng nhiên liệu sạch là điện, các máy móc thiết bị hoạt động bằng động cơ điện, không sử dụng máy móc thiết bị đốt cháy nhiên liệu hóa thạch

như xăng dầu, than đá, vì vậy không tạo ra khí thải nhà kính như khí Carbon dioxide (CO₂), Methane (CH₄), Nitrous oxide (N₂O), Hydrofluorocarbons (HFCs), Perfluorocarbons (PFCs) và Sulphur hexafluoride (SF₆).

***Fuel:** The company's electric cable production activities mainly use clean fuel, electricity, machinery and equipment operated by electric motors, and do not use machinery and equipment that burn fossil fuels such as gasoline, oil, coal, so do not create greenhouse gas emissions such as Carbon dioxide (CO₂), Methane (CH₄), Nitrous oxide (N₂O), Hydrofluorocarbons (HFCs), Perfluorocarbons (PFCs) and Sulfur hexafluoride (SF₆).*

Vận tải hàng hóa: Hoạt động vận tải hàng hóa của công ty bằng 6 xe vận tải nhỏ và vừa và 4 xe nâng hàng hóa từ 3,5 tấn đến 10 tấn, không tạo ra khí thải nhà kính đáng ngại. Các thiết bị nén cũng không nhiều được công ty bảo trì cẩn thận định kỳ không rò rỉ ra ngoài. Công ty không khai thác, chế biến, vận chuyển nhiên liệu hóa thạch. ***Freight transportation:** The company's freight transport operations are carried out by 6 small and medium trucks and 4 forklifts from 3.5 tons to 10 tons, without generating any worrying greenhouse gas emissions. The company also does not have many compressors, which are carefully maintained periodically to prevent leakage. The company does not exploit, process, or transport fossil fuels.*

Chất thải: Chỉ rác thải công nghiệp như thùng nhựa, phi sắt, bao giấy đựng nguyên liệu, vải lau chùi vệ sinh máy móc cơ khí được thu gom hàng ngày bởi công ty quản lý môi trường tập trung xử lý theo quy định. Công ty không chôn lấp chất thải rắn; không xử lý sinh học chất thải rắn; không thiêu hủy chất thải. Công ty không có nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt được thải vào hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp. ***Waste:** Only industrial waste such as plastic barrels, iron drums, paper bags containing raw materials, and cloths used to clean mechanical machinery are collected daily by a centralized environmental management company for treatment according to regulations. The company does not bury solid waste; does not biologically treat solid waste; does not incinerate waste. The company does not have industrial wastewater; domestic wastewater is discharged into the industrial park's wastewater treatment system.*

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/Measures and initiatives to reduce GHG emission.

Công ty đã thiết lập hệ thống quản lý khí nhà kính ISO 14064-1:2018. Công ty tiến hành kiểm kê đo lường tình trạng khí nhà kính trong nhà máy hàng năm, đã đạt được kết quả chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 14064-1:2018 về khí nhà kính bởi tổ chức chứng nhận quốc tế SGS, cụ thể như sau: *The company has established a greenhouse gas management system ISO 14064-1:2018. The company conducts annual inventory and measurement of greenhouse gas status in the factory and has achieved certification of compliance with ISO 14064-1:2018 on greenhouse gas by the international certification organization SGS. specifically as follows:*

Statement TW22/00452GG

SGS

Greenhouse Gas Verification Statement

The inventory of Greenhouse Gas emissions in year 2021 of
TA YA (Viet Nam) ELECTRIC WIRE & CABLE Joint Stock Company
 No 1, 1A Road, Bien Hoa Industrial Zone II, Dong Nai Province, Viet Nam

has been verified in accordance with ISO 14064-3:2006 as meeting the requirements of
ISO 14064-1:2018

Direct emissions
1,484.8183 tonnes of CO₂e
 Indirect emissions
45,518.3493 tonnes of CO₂e
 Direct emissions and indirect emissions
47,003.168 tonnes of CO₂e

Authorized by

 Stephen Pao
 Knowledge Deputy General Manager
 Date: 10 November 2022
 Version 1

TGP56A-15-6a 2207
 SGS Taiwan Ltd.
 No. 136-1, Wu Kung Road, New Taipei Industrial Park, Wu Ku District,
 New Taipei City 24803, Taiwan
 t (02) 22903270 f (02) 22999453 www.sgs.com










This Statement is not valid without the full verification scope, objectives, criteria and findings available on the Statement.

Page 1 of 7

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm 2024/The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year 2024:

Nguyên vật liệu chính của dây cáp điện là nguyên liệu đồng tấm nhập khẩu, mua nội địa và hạt nhựa PVC, PE mua trong nước. Nguyên liệu chính của sản phẩm dây điện từ là sơn Vecni cách điện nhập khẩu./The main raw materials of electric cables are imported copper sheets, purchased domestically and PVC, PE plastic granules purchased domestically. The main raw materials of electromagnetic wire products are imported insulating varnish.

Trong năm 2024 công ty/In 2024 the company:

- Nhập khẩu đồng tấm khoảng 5.024 tấn 819 kg; mua trong nước 1.202 tấn 544 kg. **Tổng cộng 6.227 tấn 363 kg/Imported copper plate about 5,024 tons 819 kg; domestically purchased 1,202 tons 544 kg. Total 6,227 tons 363 kg.**

- Nhập khẩu sơn Vecni cách điện 212 tấn 593 kg; mua trong nước 37 tấn 565 kg. **Tổng cộng 250 tấn 158 kg/Imported insulating varnish paint 212 tons 593 kg; domestically purchased 37 tons 565 kg. Total 250 tons 158 kg.**

- Nhập khẩu Hạt nhựa PVC, XLPE 58 tấn 634 kg; mua trong nước 1.653 tấn 950 kg/Imported PVC and XLPE plastic granules 58 tons 634 kg; domestically purchased 1,653 tons 950 kg.

- Sử dụng lu lô gỗ đóng gói dây cáp điện các loại khoảng 9.512 cái/năm/*Use wooden rollers to pack electrical cables of all kinds about 9,512 pieces/year.*

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/*The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization*

0%.

6.3. Tiêu thụ năng lượng/*Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly*

Năng lượng điện tiêu thụ trực tiếp năm 2024 là: 14.982.656 kw, tăng 786.162 kw so với 14.196.494 kw của năm 2023, nguyên nhân do tăng đơn hàng, tăng sản xuất/*Direct electricity consumption in 2024 is: 14,982,656 kw, an increase of 786,162 kw compared to 14,196,494 kw in 2023, due to increased orders and increased production.*

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

- Từ 19/07/2024~20/08/2024 công ty hoàn thành lắp đặt các tấm pin năng lượng mặt trời và các thiết bị liên quan và hoàn thành công tác lắp đặt máy phát điện năng lượng mặt trời. Việc truyền tải điện bắt đầu thực hiện vào ngày 06/09/2024. Tổng sản lượng điện phát từ tháng 9 đến tháng 12 là 89.691 kwh./*From July 19, 2024 to August 20, 2024, the company completed the installation of solar panels and related equipment and completed the installation of solar generators. Power transmission begins on September 6, 2024. Total electricity output from September to December is 89,691 kWh.*

- Từ tháng 9 năm 2024 đến hết tháng 12 năm 2024, công ty đã tự sản xuất điện và tiết kiệm được 89,691 kWh chi phí điện này. Năm 2025 công ty tin tưởng sẽ tiết kiệm chi phí điện nhiều hơn./*From September 2024 to the end of December 2024, the company has self-generated electricity and saved 89,691 kWh of this electricity cost. In 2025, the company believes that it will save more electricity costs.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives*

Không có/*Do not have*

6.4. Tiêu thụ nước năm 2024: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/*Water consumption year 2024: (water consumption of business activities in the year 2024)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/*Water supply and amount of water used*

Lượng nước sử dụng trong kinh doanh sản xuất của công ty năm 2024 là 9.855 m³. Nguồn nước sử dụng trong kinh doanh và sản xuất đều do Công ty cấp nước Sonadezi Đồng Nai và Công ty cấp nước tỉnh Hải Dương cung cấp/*The amount of water used in the company's production business in 2024 is 9,855 m3. Water sources used in business and production are provided by Sonadezi Dong Nai Water Supply Company and Hai Duong Provincial Water Supply Company.*

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/*Percentage and total volume of water recycled and reused*

Không có/Do not have

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Không có/Do not have.

**b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/
Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment**

Không có/Do not have.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees

a) Số lượng lao động, thu nhập trung bình đối với người lao động/Number of employees, average wages of workers.

Tổng số lao động tại Trụ sở chính Đồng Nai và Chi nhánh Hải Dương tại thời điểm 31/12/2024 là 342 người. Trong đó: Lao động người Việt Nam là 330 người; lao động người nước ngoài cư trú là 12 người. Trình độ văn hóa của lao động chiếm tỷ lệ như sau: đại học và cao đẳng và trên đại học chiếm 25%, trung cấp chiếm 20% và trung học phổ thông trở xuống chiếm 55%. Mức thu nhập bình quân người lao động công ty năm 2024 là 13.251.067 đồng/tháng đối với lao động người Việt Nam, đối với lao động người nước ngoài là 57.167.192 VND (bao gồm tháng thứ 13) chưa trừ phí BHXH, BHYT, BHTN.

/The total number of employees at Dong Nai Headquarters and Hai Duong Branch as of December 31, 2024 is 342 people. Of which: Vietnamese employees are 330 people; foreign employees residing here are 12 people. The educational level of employees accounts for the following proportions: university, college and above 25%, secondary school 20% and high school or below 55%. The average income of the company's employees in 2024 is 13,251,067 VND/month for Vietnamese employees, for foreign employees is 57,167,192 VND (including the 13th month) excluding social insurance, health insurance, and unemployment insurance fees.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers

➤ Chương trình khám sức khỏe định kỳ/Periodic health checkup program

Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể công nhân công ty, nhằm theo dõi phát hiện tình trạng sức khỏe của công nhân để dự phòng, điều trị sớm gìn giữ sức khỏe./Every year, the Company organizes periodic health checks for all company workers, in order to monitor and detect the health status of workers for prevention and early treatment to preserve health.

➤ Đo kiểm môi trường làm việc/Measure the working environment

Một năm hai lần Công ty tổ chức đo kiểm môi trường làm việc của người lao động nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh lao động cho công nhân công ty./Twice a year, the Company organizes testing of the working environment of employees to ensure occupational safety and hygiene for company workers.

➤ Chính sách lương/Salary policy

Căn cứ trình độ chuyên môn áp dụng mức cao hơn mức lương qui định hiện hành của chính phủ. Khi kết thúc thời gian thử việc, qua đánh giá khả năng làm việc công nhân được nhận làm việc chính thức. Khi đó mức lương sẽ được tăng lên từ 7% - 15% tùy vị trí. Mỗi năm (thường là vào cuối năm) dựa vào kết quả đánh giá công ty điều chỉnh tăng lương cho nhân viên. Việc tính toán lương tăng ca, làm đêm theo quy định của Luật Lao động./Based on professional qualifications, a higher salary level than the current

government regulations is applied. At the end of the probationary period, after evaluating the worker's ability to work, the worker will be officially hired. At that time, the salary will be increased from 7%-15% depending on the position. Each year (usually at the end of the year), based on the evaluation results, the company adjusts the salary increase for employees. Calculating overtime and night work wages according to the provisions of the Labor Law.

Ngoài tiền lương, người lao động tùy theo vị trí công việc mà được hưởng các khoản trợ cấp như trợ cấp làm đêm, trợ cấp chức vụ, trợ cấp chuyên cần, trợ cấp giao thông, trợ cấp khác.../In addition to salary, employees, depending on their job position, are entitled to benefits such as night work allowance, position allowance, attendance allowance, transportation allowance, and other allowances....

► **Chính sách thưởng/Bonus policy**

Nhân viên Công ty làm việc trên 1 năm được thưởng tháng lương thứ 13 hoặc từ 2 tháng lương bình thường trở lên tùy theo lợi nhuận hàng năm của Công ty. Năm 2024 công ty thưởng 02 tháng lương cơ bản cho toàn thể nhân viên và tiền thưởng thâm niên cho nhân viên làm việc gắn bó lâu dài với công ty./Company employees who work for more than 1 year are awarded a 13th month salary or 2 months of normal salary or more depending on the Company's annual profit. In 2024, the company will award 02 months of basic salary to all employees and a long-term bonus to employees who work long-term with the company.

Ngoài mức thưởng trên, nhân viên còn được hưởng các phúc lợi khác vào dịp lễ 30/4, 1/5, tặng quà vào dịp tết Trung thu, được công ty chi trả tiền đồng phục, tiền cơm trưa./In addition to the above bonus, employees also enjoy other benefits on the holidays of April 30 and May 1, gifts on the Mid-Autumn Festival, and the company pays for uniforms and lunches.

Hỗ trợ nhân viên lễ cưới, khi đau ốm, tai nạn lao động và tang lễ/Support staff at weddings, sickness, work accidents and funerals.

Tiền mừng lễ cưới đối với nhân viên làm việc trên 1 năm là 1.000.000 đồng; làm việc dưới 1 năm là 700.000 đồng; 500.000 đồng đối với lễ cưới con nhân viên công ty. Khi nhân viên bị đau ốm hoặc tai nạn lao động tiền thăm hỏi là 300.000 đồng còn tang lễ là 1.000.000 đồng/Wedding bonus for employees working more than 1 year is 1,000,000 VND; Working less than 1 year is 700,000 VND; 500,000 VND for the wedding of a company employee's child. When an employee is sick or has an accident, the visit fee is 300,000 VND and the funeral fee is 1,000,000 VND.

c) **Hoạt động đào tạo người lao động/Employee training**

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên./The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.

► **Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm/Average training hours per year**

- Tổng số giờ đào tạo: 3.435 giờ, trung bình 17,8 giờ cho một nhân viên theo phân loại nhân viên/Total training hours: 3,435 hours, average 17.8 hours per employee by employee classification.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development

Theo các quy định về nâng cao trình độ chuyên môn đối với nhân viên. Hỗ trợ các khóa học đào tạo ngoại ngữ và tay nghề, tiếp tục chương trình Đại học cho những công nhân có nhu cầu học tập và có thành tích đạt yêu cầu./According to regulations on improving professional qualifications for employees. Support foreign language and skills training courses and continue university programs for workers who have

learning needs and have satisfactory achievements.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/Report on responsibility for local community

Năm 2024 Công ty hỗ trợ học bổng cho Trường cao đẳng Sonadezi tại Đồng Nai 20.000.000 đồng và tiền khuyến học cho con em người lao động trong công ty 162.400.000 đồng, quyền góp từ thiện trực tiếp và gián tiếp và hoạt động xã hội tổng cộng 100.000.000 đồng./In 2024, the Company supports scholarships for Sonadezi College in Dong Nai with 20,000,000 VND and study incentives for children of employees in the company with 162,400,000 VND, direct and indirect charitable donations and activities. society total 100,000,000 VND.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service

- Không có/Do not have.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/Report on green capital market activities under the guidance of the ssc

- Không có/Do not have.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/Reports and assessments of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty(the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/Assessment of operating results

ĐVT/unit: đồng/VND

CHỈ TIÊU/Indicators	2024	2023	Tăng/Giảm (change)	% Tăng/giảm (%change)
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ/Revenue from sale of goods and provision of services	1.860.877.702.477	1.467.791.489.154	393.086.213.323	26,78
2. Giá vốn hàng bán/ Cost of sales and services	1.681.440.047.437	1.367.206.171.538	314.233.875.899	22,98
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ/Gross profit	179.437.655.040	100.585.317.616	78.852.337.424	78,39
4. Doanh thu hoạt động tài chính/Financial income	33.744.571.943	28.924.271.087	4.820.300.856	16,67
5. Chi phí tài chính/Financial expenses	37.989.312.006	39.413.759.499	-1.424.447.493	-3,61
6. Chi phí bán hàng/Selling expenses	33.473.874.671	24.626.645.792	8.847.228.879	35,93
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp/General and administration expenses	44.012.985.314	43.053.385.641	959.599.673	2,23
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Net operating profit	97.706.054.992	22.415.797.771	75.290.257.221	335,88
9. Thu nhập khác/Other income	397.424.892	465.954.247	-68.529.355	-14,71
10. Chi phí khác/Other expenses	978.143.477	5.030.135.021	-4.051.991.544	-80,55
11. Lợi nhuận trước thuế/Accounting profit before tax	97,125,336,407	17.851.616.997	79.273.719.410	444,07
12. Thuế thu nhập doanh nghiệp/Corporate income tax is	19.528.067.647	16.828.510.280	2.699.557.367	16,04
13. Thu nhập(chí phí)thuế thu nhập hoãn lại/Deferred tax expense	23.018.647	61.789.706	-38.771.059	-62,75

14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/Net profit after tax	77.574.250.113	961.317.011	76.612.933.102	796,96
15. Lãi lỗ cơ bản trên cổ phần/ Basic earnings per share	2.453	30		-

Phân tích tổng quan hoạt động công ty/General analysis company's operations

So sánh kết quả kinh doanh năm 2024 và năm 2023 như sau/Compare business results in 2024 and 2023 as follows:

Doanh thu: Doanh thu năm 2024 khoảng 1.860,8 tỷ đồng tăng 26,78% so với năm 2023. Trong đó xuất khẩu chiếm 33,95% tăng 1,95% so với năm 2023. Chủ yếu xuất khẩu sang các nước Campuchia, Lào, Myanmar và xuất khẩu tại chỗ tại các khu công nghiệp, khu chế xuất./**Revenue:** Revenue in 2024 is about 1,860.8 billion VND, an increase of 26.78% compared to 2023. Of which, exports account for 33.95%, an increase of 1.95% compared to 2023. Mainly exported to Cambodia, Laos, Myanmar and on-site exports in industrial parks and export processing zones.

- **Chi phí bán hàng/doanh thu:** Chi phí này năm 2024 ở mức 1,8% cao hơn mức 1,68% của năm 2023, phản ánh doanh thu gia tăng ảnh hưởng tăng chi phí bán hàng./**Cost of sales/revenue:** This cost in 2024 is at 1.8% higher than 1.68% in 2023, reflecting increased revenue affecting increased selling expenses.
- **Chi phí quản lý/doanh thu:** Chi phí này năm 2024 ở mức 2,37% thấp hơn mức 2,93% của năm 2023 phản ánh doanh thu gia tăng nhưng hiệu quả quản lý tốt hơn năm 2023./**Management cost/revenue:** This cost in 2024 at 2.37% is lower than 2023 at 2.93% reflecting increased revenue but better management efficiency than in 2023.
- **Chi phí tài chính/doanh thu:** Chi phí tài chính năm 2024 khoảng 2,04% thấp hơn mức 2,69% của năm 2023, phản ánh nhu cầu vay vốn lưu động ít hơn nhưng sử dụng vốn vay hiệu quả hơn năm 2023./**Financial costs/revenue:** Financial costs in 2024 are about 2.04% lower than 2.69% in 2023, reflecting less working capital needs but more efficient use of loans in 2023.

➤ Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch/ Reasons for profit after tax exceeding plan

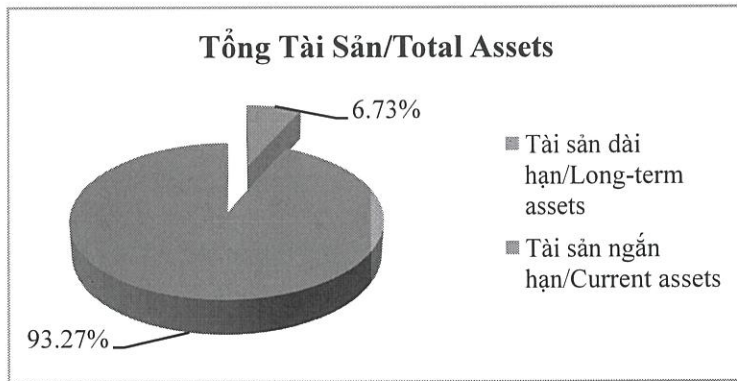
Năm 2024 kinh tế thế giới dần được phục hồi, Công ty bán hàng nhiều hơn và kiểm soát hiệu quả giá cả nguyên liệu PVC đầu vào, giảm giá thành sản xuất và chi phí tài chính là nguyên nhân lợi nhuận gia tăng vượt kế hoạch./In 2024, the world economy gradually recovered, the Company sold more and effectively controlled the price of input PVC materials, reduced production costs and financial costs, which were the reasons for the profit increase exceeding the plan.

- **Giá trị sổ sách tại thời điểm báo cáo (Book Value)/ Book value at the time of reporting:**

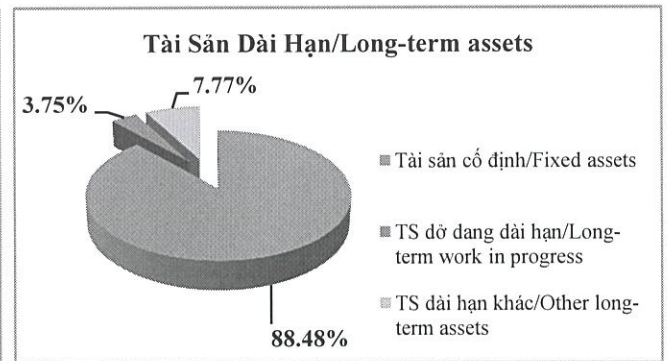
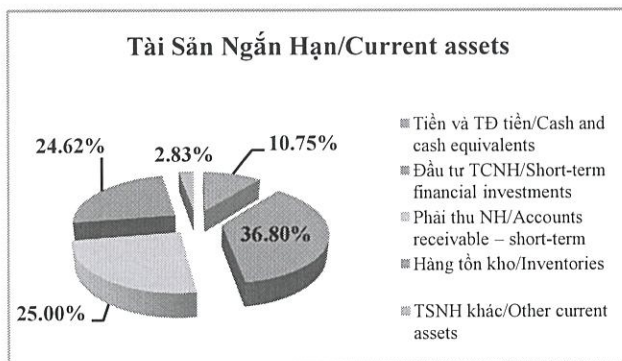
Chỉ tiêu/Indicators	2024	2023	2022
Giá trị sổ sách/Book value (đồng/cp/VND/shares)	17.908	15.631	16.027

2. Tình hình tài chính/Financial Situation

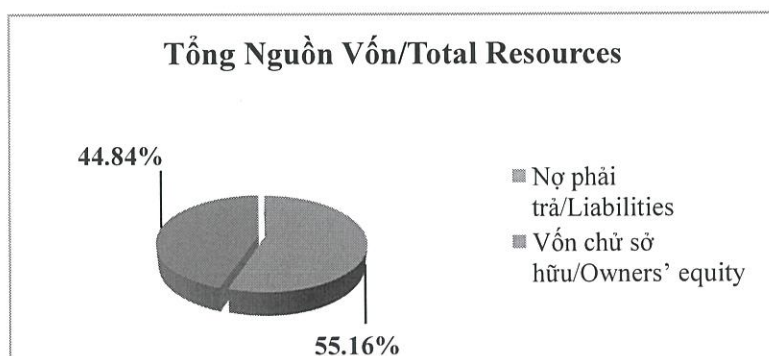
a) Tình hình tài sản/Assets



- Tổng tài sản công ty năm 2024 là 1.225.846.712.407 đồng, trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm 93,27%, tỷ lệ này tuy cao, nhưng do tài sản ngắn hạn trong thời gian ngắn đã hoàn thành xoay vòng vốn và tạo ra giá trị. Vì vậy, khi dự tính cho thị trường kỳ vọng đối với loại tài sản này thường dễ hơn và tương đối chuẩn xác, thị trường biến động ít do trong thời gian ngắn hạn rủi ro về kinh doanh tương đối nhỏ.
/The company's total assets in 2024 are VND 1,225,846,712,407, of which short-term assets account for 93.27%. Although this ratio is high, short-term assets have completed capital turnover and created value in a short time. Therefore, when estimating market expectations for this type of asset, it is often easier and relatively accurate. The market fluctuates less because in the short term, business risks are relatively small.
- Ngược lại, đối với tài sản dài hạn, tài sản cố định phải trong thời gian dài mới hoàn thành xoay vòng vốn và tạo ra giá trị. Trong điều kiện thời gian dài thì thị trường biến động khó lường, công ty dự tính thị trường kỳ vọng đối với loại tài sản này thường khó hơn và thiếu tính chuẩn xác.
/On the contrary, for long-term assets, fixed assets must take a long time to complete capital turnover and create value. In the long-term condition, the market fluctuates unpredictably, so it is often more difficult and inaccurate for companies to predict the expected market for this type of asset.
- Cơ cấu tài sản khác nhau sẽ gặp phải những rủi ro cũng khác nhau. Tài sản dài hạn, tài sản cố định càng lớn thì mức độ hứng chịu rủi ro cũng sẽ lớn./Different asset structures will encounter different risks. The larger the long-term assets and fixed assets, the greater the level of risk exposure.



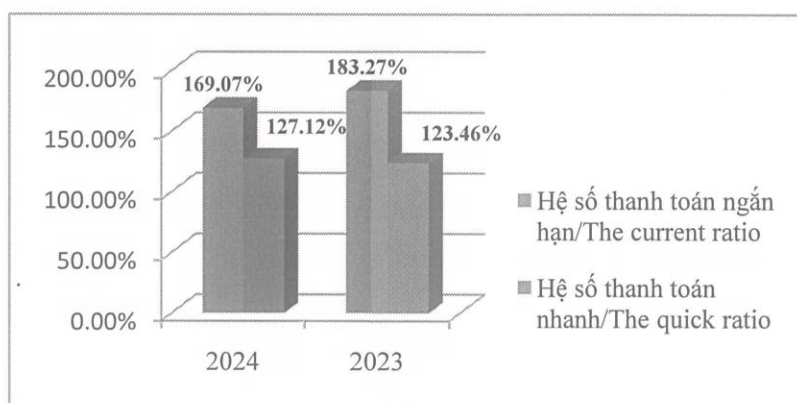
b) Tình hình nợ phải trả/Debt Payable



- **Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/Current debts, major changes of debts**

- Năm 2024 công ty không có nợ dài hạn, chỉ có nợ ngắn hạn khoảng 676,2 tỷ đồng, chiếm 55,16% trên Tổng nguồn vốn (khoảng 1.225,8 tỷ đồng) công ty./In 2024, the company has no long-term debt, only short-term debt of about 676.2 billion VND, accounting for 55.16% of the company's total capital (about 1,225.8 billion VND).
- Trong đó, vay ngắn hạn khoảng 588,5 tỷ đồng chiếm 87,02% trên nợ ngắn hạn, khoản vay này chủ yếu dùng để thanh toán nguyên liệu đồng tấm nhập khẩu./Of which, short-term loans are about 588.5 billion VND, accounting for 87.02% of short-term debt. This loan is mainly used to pay for imported copper sheet materials.
- Nợ ngắn hạn cao sẽ ảnh hưởng đến giá trị của Doanh nghiệp và có những rủi ro nhất định, nhưng đối với một Doanh nghiệp sản xuất ổn định như Taya Việt Nam, phần lớn nợ ngắn hạn đều mang tính chiếm dụng luân chuyển và tính ổn định nhất định, đó ví như một khoản tiền vốn chiếm dụng dùng để tích trữ nguyên vật liệu sản xuất, bán thành phẩm và sản phẩm mà Doanh nghiệp liên tục luân chuyển sử dụng. Nợ ngắn hạn phải đồng thời với việc đánh giá đúng năng lực thanh toán của mình mới có thể tránh khỏi những rủi ro cho Doanh nghiệp.
/High short-term debt will affect the value of the Enterprise and have certain risks, but for a stable manufacturing Enterprise like Taya Vietnam, most short-term debt is of a rotating nature and has a certain stability, it is like a capital amount used to store raw materials for production, semi-finished products and products that the Enterprise continuously rotates and uses. Short-term debt must be combined with a correct assessment of its payment capacity to avoid risks for the Enterprise.
- Chỉ số ROE năm 2024 của công ty là 14,11% cao hơn 0,2% năm 2023 phản ánh khả năng tăng lợi nhuận rất cao so với năm 2023./The company's 2024 ROE index is 14.11%, higher than 0.2% in 2023, reflecting the ability to increase profits very high compared to 2023.
- Dưới tác động của kinh tế thế giới phục hồi, doanh thu công ty tăng cao và kiểm soát hiệu quả giá cả nguyên liệu PVC đầu vào, giảm giá thành sản xuất và chi phí tài chính giúp công ty kinh doanh có lãi./Under the impact of the world economic recovery, the company's revenue increased and effective control of input PVC material prices, reduced production costs and financial costs helped the company operate profitably.

Năng lực thanh toán/Payment capacity



- Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2024 là 169,07% thấp hơn 183,27% năm 2023, phản ánh năng lực huy động vốn lưu động để thanh toán nợ ngắn hạn của công ty năm 2024 thấp hơn năm 2023. Tuy nhiên, tài sản ngắn hạn của công ty dồi dào và khả năng tài sản lưu động chuyển đổi thành tiền khá cao khoảng 1.143,3 tỷ đồng (phải thu ngắn hạn khoảng 285,9 tỷ đồng; hàng tồn kho khoảng 281,5 tỷ đồng) sẽ không xảy ra nguy cơ mất khả năng thanh toán.

/The current ratio in 2024 is 169.07%, lower than 183.27% in 2023, reflecting the company's ability to mobilize working capital to pay short-term debts in 2024 is lower than in 2023. However, the company's

current assets are abundant and the ability to convert current assets into cash is quite high, about VND 1,143.3 billion (short-term receivables are about VND 285.9 billion; inventories are about VND 281.5 billion), so there will be no risk of insolvency.

- Hệ số thanh toán nhanh năm 2024 là 127,12% cao hơn 123,46% của năm 2023, tiền và các khoản tương đương tiền dồi dào, thể hiện năng lực thanh toán nhanh của công ty rất lý tưởng./The quick ratio in 2024 is 127.12%, higher than 123.46% in 2023. Cash and cash equivalents are abundant, showing that the company's quick payment capacity is ideal.

Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay./Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes

- **Nợ phải trả năm 2024** của công ty khoảng 676,2 tỷ đồng, nợ ngắn hạn này tuy lớn nhưng hoàn toàn nằm trong năng lực chi trả của công ty. Tuy nhiên, các khoản phải thu ngắn hạn của công ty vào khoảng 285,9 tỷ đồng và giá trị hàng tồn kho khoảng 281,5 tỷ đồng. Khoản tiền và tương đương tiền là 122,9 tỷ đồng vẫn cân đối cao hơn nợ phải trả./The company's 2024 liabilities are about 676.2 billion VND, this short-term debt is large but completely within the company's payment capacity. However, the company's short-term receivables are about 285.9 billion VND and the value of inventories is about 281.5 billion VND. The amount of cash and cash equivalents is 122.9 billion VND, still higher than the payable debt.
 - **Chênh lệch tỉ lệ giá hối đoái** sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất của công ty. Tuy nhiên năm 2024 tỷ giá hối đoái tương đối ổn định không gây ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty./The exchange rate difference will directly affect the company's production results. However, in 2024, the relatively stable exchange rate will not have a major impact on the company's business results.
 - **Chênh lệch lãi vay** các ngân hàng thương mại không nhiều, ít gây ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của công ty./The difference in loan interest rates from commercial banks is not much, causing little impact on the company's operating results.
3. **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, and management**
- Đã thực hiện kế hoạch công nghiệp 4.0 và trở thành một trong top 50 nhà máy sản xuất xanh sạch tại Việt Nam. Đã hoàn thành hệ thống quản lý mạng điện tử liên thông từ các khâu sản xuất, mua hàng, kiểm phẩm và bộ phận kế toán./Implemented the industry 4.0 plan and became one of the top 50 clean green manufacturing factories in Vietnam. Completed electronic network management system connecting all stages of production, purchasing, quality inspection and accounting department.
 - Đã thực hiện kiểm kê khí thải nhà kính năm 2024 tại nhà máy công ty và chờ cấp chứng nhận ISO 14064-1:2018 phù hợp tiêu chuẩn quản lý khí nhà kính trước cuối năm 2025./Conducted greenhouse gas inventory in 2024 at the company's factory and is waiting for ISO 14064-1:2018 certification in accordance with greenhouse gas management standards before the end of 2025.

4. **Kế hoạch phát triển trong tương lai/Development plans in future**

Duy trì chỉ tiêu tăng trưởng doanh thu trên 50%, xuất khẩu 40%, lợi nhuận sau thuế trên 90 tỷ đồng/ Maintain revenue growth target of over 50%, export of 40%, profit after tax of over 90 billion VND.

5. **Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/ Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified)**

- Không có/*Do not have*

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/*Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company*

Hiện trạng môi trường tại công ty theo kết quả đo đạc chất lượng môi trường tháng 12/2024 do Viện Nước và Công nghệ môi trường Tp. HCM thực hiện/*Current environmental status at the company according to the results of environmental quality measurements in December 2024 by the City Institute of Water and Environmental Technology. HCM implemented.*

- **Chất lượng môi trường không khí:** Tất cả các chỉ tiêu đo đạc, phân tích tại các vị trí lấy mẫu tại công ty đều đạt tiêu chuẩn cho phép, QCVN 05: 2013/BTNMT, QCVN 26: 2010/BTNMT và TCVSLĐ3733/2002/BYT/QĐ/*Air environment quality: All measurement and analysis criteria at sampling locations at the company meet allowed standards, QCVN 05: 2013/BTNMT, QCVN 26: 2010/BTNMT and TCVSLĐ3733/ 2002/BYT/QD.*
- **Chất lượng môi trường nước thải:** Tất cả các chỉ tiêu đều đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi thải vào cống thu gom thoát nước của KCN Biên Hòa II/*Wastewater environmental quality: All indicators meet the prescribed standards before being discharged into the drainage collection sewer of Bien Hoa II Industrial Park.*
- **Thu gom chất thải rắn đặc biệt nguy hại:** Đã bố trí nhiều thùng chứa chất thải từng khu vực. Hằng ngày có đội vệ sinh chuyên nghiệp vào công ty thu gom, vận chuyển về địa điểm lưu trữ riêng biệt./*Collection of especially hazardous solid waste: Many waste containers have been arranged in each area. Every day, a professional cleaning team comes into the company to collect and transport to a separate storage location.*
- Đã được cấp Sổ đăng ký quản lý chủ nguồn thải chất thải nguy hại/*Has been granted a registration book for hazardous waste source owner management.*
- Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân và hệ thống các thiết bị, dụng cụ PCCC trong từng khu vực nội bộ công ty./*The company fully equips labor protection equipment for workers and a system of fire prevention equipment and tools in each internal area of the company.*

Qua kết quả đo đạc trên, hiện trạng môi trường của công ty đã đạt tiêu chuẩn và phù hợp với quy định về pháp luật môi trường tại Việt Nam/*Through the above measurement results, the company's current environmental status has met standards and is in accordance with environmental law regulations in Vietnam.*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...) /*Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc)*

- Năm 2024 công ty tiêu thụ nước 22.448 m³ tăng 3.577 m³ so với năm 2023. Trong đó lượng nước sinh hoạt như nấu cơm cho công nhân ăn, vệ sinh cá nhân và tưới tiêu vườn hoa cây xanh trong công ty chiếm khoảng 12.593 m³ và 9.855 m³ còn lại sử dụng trong hoạt động sản xuất chủ yếu là nước tuần hoàn làm nguội sản phẩm không thải ra ngoài, tỷ lệ hao hụt do bốc hơi, thay nước không đáng kể không gây ảnh hưởng đến môi trường. Nước thải sinh hoạt phù hợp tiêu chuẩn quy định.
/In 2024, the company consumed 22,448 m3 of water, an increase of 3,577 m3 compared to 2023. Of which, the amount of water used for daily life such as cooking rice for workers, personal hygiene and watering the flower garden in the company accounted for about 12,593 m3 and the remaining 9,855 m3 used in production activities is mainly circulating water to cool products without being discharged, the loss rate due to evaporation and water replacement is insignificant and does not affect the environment. Domestic wastewater meets the prescribed standards.
- Tỷ suất năng lượng điện tiêu hao trong hoạt động sản xuất tính trên doanh thu (có thuế VAT) năm 2024 là 0,0081% cao hơn 0,0010% của năm 2023 do sản lượng gia tăng. Năng lượng điện là năng lượng sạch

không gây ảnh hưởng môi trường và được tận dụng 100% trong hoạt động sản xuất./*The ratio of electricity consumed in production activities calculated on revenue (including VAT) in 2024 is 0.0081%, higher than 0.0010% in 2023 due to increased output. Electricity is clean energy that does not affect the environment and is 100% utilized in production activities.*

Các chất thải rắn được thu gom xử lý theo quy định của pháp luật môi trường/*Solid waste is collected and treated according to environmental laws.*

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/*Assessment concerning the labor issues*

Công ty hoạt động tuân thủ mọi quy định của pháp luật hiện hành, mọi quyền lợi hợp pháp của công nhân đều được đảm bảo và thực thi. Công nhân được tự do tổ chức, tham gia hoạt động công đoàn và được công ty hỗ trợ kinh phí hoạt động. Mỗi quý một lần công ty tiến hành đối thoại dân chủ giữa người lao động và người sử dụng lao động tại nơi làm việc của công nhân trong công ty, hai bên cùng nhau thảo luận, trao đổi ý kiến và tháo gỡ thắc mắc liên quan đến trách nhiệm nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động và người sử dụng lao động. Vì vậy, mối quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động trong công ty diễn ra rất hài hòa và gắn bó với nhau./*The company operates in compliance with all current legal regulations, all legal rights of workers are guaranteed and enforced. Workers are free to organize, participate in union activities and are supported by the company with operating costs. Once a quarter, the company conducts a democratic dialogue between employees and employers at the workplace of the workers in the company, the two sides discuss, exchange opinions and resolve questions related to the responsibilities, obligations and rights of employees and employers. Therefore, the relationship between employees and employers in the company is very harmonious and close to each other.*

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Assessment concerning the corporate responsibility for the local community*

Là công ty có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư rất sớm tại tỉnh Đồng Nai vào năm 1992, góp phần vào công cuộc phát triển kinh tế, xã hội của chính phủ địa phương. Năm 2005 là công ty có vốn đầu tư nước ngoài đầu tiên tham gia niêm yết giao dịch chứng khoán tại Việt Nam, đóng vai trò tiên phong gây dựng niềm tin đầu tư vào thị trường vốn Việt Nam. Nhiều năm qua, công ty giữ vững đầu tư, ổn định sản xuất tại tỉnh Đồng Nai và tỉnh Hải Dương, tạo dựng công ăn việc làm, cải thiện thu nhập, cuộc sống ổn định cho người lao động. Mỗi năm, công ty đều hỗ trợ học bổng cho trường cao đẳng Đại học tại địa phương, cũng như việc tài trợ tiền khuyến học cho con em người lao động của công ty và tham gia hoạt động từ thiện khác./*It is a foreign-invested company that invested very early in Dong Nai province in 1992, contributing to the economic and social development of the local government. In 2005, it was the first foreign-invested company to participate in listing stock exchanges in Vietnam, playing a pioneering role in building investment confidence in Vietnam's capital market. Over the years, the company has maintained investment and stabilized production in Dong Nai and Hai Duong provinces, creating jobs, improving income and stable life for workers. Every year, the company supports scholarships for local colleges and universities, as well as sponsoring study incentives for the company's employees' children and participating in other charitable activities.*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty/*Assessments of the Board of Directors on the Company's operation*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/*Assessments of the Board of Directors on*

the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities

Năm 2024 là một năm hoạt động tương đối thành công của công ty, trong bối cảnh tác động kinh tế thế giới dần phục hồi, sản lượng và doanh thu công ty gia tăng đáng kể. Trong những thay đổi khởi sắc đó công ty luôn duy trì chính sách đảm bảo chất lượng đã cam kết trong sản xuất và linh động giảm giá hàng bán, cắt giảm lợi nhuận ở mức chấp nhận được để cạnh tranh đơn hàng, luôn tạo công ăn việc làm cho công nhân, không sa thải công nhân, góp một phần sức lực làm tròn trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp./2024 is a relatively successful year for the company, in the context of the gradual recovery of the world economic impact, the company's output and revenue have increased significantly. In these positive changes, the company has always maintained its committed quality assurance policy in production and flexibly reduced sales prices, cut profits to an acceptable level to compete for orders, always created jobs for workers, did not lay off workers, and contributed part of its efforts to fulfill the social responsibility of the enterprise.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance

Trong quá trình thực hiện quản trị công ty năm 2024, Ban giám đốc luôn tuân thủ pháp luật và quy chế nội bộ của công ty không vi phạm pháp luật, tình hình tài chính lành mạnh, không có dấu hiệu khác thường hoặc sử dụng vốn sai lệch mục đích, hoặc đầu tư ngành nghề khác khi chưa được Hội đồng quản trị chấp thuận./In the process of implementing corporate governance in 2024, the Board of Directors always complies with the law and the company's internal regulations do not violate the law, the financial situation is healthy, there are no unusual signs or abuses. capital for the wrong purpose, or invested in other industries without approval from the Board of Directors.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/Plans and orientations of the Board of Directors

Trong tác động kinh tế thế giới phục hồi nhưng vẫn chậm và chiến tranh Nga-Ucraina, tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2024 đạt 7,09%. Các dấu hiệu cho thấy kinh tế Việt Nam năm 2025 tuy khả quan, nhưng vẫn tiềm tàng nhiều rủi ro. Vì vậy, Hội đồng quản trị dự tính kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty năm 2025 cụ thể như sau:

In the impact of the world economy recovering but still slow and the Russia-Ukraine war, Vietnam's GDP growth rate in 2024 reached 7.09%. Signs show that although Vietnam's economy in 2025 is positive, it still has many potential risks. Therefore, the Board of Directors estimates the company's production and business plan for 2025 as follows:

Đvt: đồng/VND

CHỈ TIÊU/Indicators	Năm/Year 2025
Doanh thu thuần/ Net revenue	1.965.653.252.656
Lợi nhuận gộp/ Gross profit	144.118.364.688
Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax	66.700.591.335
Chi phí thuế TNDN/ Income tax expense – current	12.044.337.359
Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax	54.656.253.976

Các số liệu trình bày trên là dựa trên cơ sở dự tính giá đồng bình quân trong năm 2025 ở mức 9.785USD/T và tỷ giá ổn định ở mức 25.000VND/USD./The figures presented above are based on the estimated average copper price in 2025 at 9,785USD/T and a stable exchange rate at 25,000VND/USD.

V. Quản trị công ty/Corporate governance

1. Hội đồng quản trị/Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của HĐQT/Members and structure of the Board of Directors

Ông/Mr: Shen Shang Pang

Chức vụ hiện tại/Current position: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam./
Chairman of the Board of Directors of TAYA Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company.

Phó chủ tịch HĐQT/Vice Chairman of the Board of Directors of Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Giám đốc/Manager of Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.

Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 01/10/1953

Quốc tịch/Nationality: Taiwan (R.O.C)

Dân tộc/Ethnic: Hán/Han

Trình độ văn hóa/Education level: Học viện Côn Sơn, Đài Loan/Kunshan Academy, Taiwan.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/Shares ownership ratio: 175.254 cổ phần/Shares (0,57%).

Ông/Mr: Shen Shang Tao

Chức vụ hiện tại/Current position: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam./
Vice Chairman of the Board of Directors of Taya Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company.

Phó Tổng giám đốc/Deputy General Manager of Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Giám đốc/Manager of Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.

Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 16/12/1960

Nơi sinh/Place of birth: Tainan, Taiwan

Quốc tịch/Nationality: Taiwan (R.O.C)

Dân tộc/Ethnicity: Hán/Han

Trình độ văn hóa/Education level: Đại học Nam California, Hoa Kỳ/University of Southern California, USA.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/Shares ownership ratio: 44.732 cổ phần/Shares (0,15%).

Ông/Mr: Shen Shang Hung

Chức vụ hiện tại/Current position: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam./
Member of the Board of Directors of Taya Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company.

Chủ tịch HĐQT/Chairman of the Board of Directors of Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Người đại diện theo pháp luật - Giám đốc/Legal representative - Director of Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.

Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 16/11/1958

Nơi sinh/Place of birth: Tainan, Taiwan

Quốc tịch/Nationality: Taiwan (R.O.C)

Dân tộc/Ethnicity: Hán/Han

Trình độ văn hóa/Education level: Đại Học Đài Loan, MBA Đại Học Emory, Hoa Kỳ/Taiwan University, MBA Emory University, USA.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/Shares ownership ratio: 46.442 cổ phần/Shares (0,15%).

Ông/Mr: Shen San Yi

Chức vụ hiện tại/Current position: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam. /
Member of the Board of Directors of Taya Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company

Tổng Giám Đốc/General Director of Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Giám đốc/Manager of Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.

Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: 09/3/1961

Nơi sinh/*Place of birth*: Tainan, Taiwan

Quốc tịch/*Nationality*: Taiwan (R.O.C) Dân tộc/*Ethnicity*: Hán/*Han*

Trình độ văn hóa/*Education level*: Đại Học Côn Sơn, Đài Loan/*Kunshan University, Taiwan*.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/*Shares ownership ratio*: 202.535 cổ phần/*Shares* (0,66%).

Ông/Mr: Wang Ting Shu

Chức vụ hiện tại/*Current position*: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam/
Member of the Board of Directors of Taya Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company.

Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: 03/12/1954

Nơi sinh/*Place of birth*: Tainan, Taiwan.

Quốc tịch/*Nationality*: Taiwan (R.O.C) Dân tộc/*Ethnicity*: Hán/*Han*

Trình độ văn hóa/*Education level*: Đại học khoa học kỹ thuật Viễn Đông/*Far Eastern University of Science and Technology*.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/*Shares ownership ratio*: 0 cổ phần/*Shares* (0%).

Ông/Mr: Tsai Chung Cheng

Chức vụ hiện tại/*Current position*: Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam./*Independent member of the Board of Directors of Taya Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company.*

Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: 20/04/1949

Nơi sinh/*Place of birth*: Tainan, Taiwan.

Quốc tịch/*Nationality*: Taiwan (R.O.C) Dân tộc/*Ethnicity*: Hán/*Han*

Trình độ văn hóa/*Education level*: Cao đẳng thương nghiệp Đài Nam/*Tainan College of Commerce*.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/*Shares ownership ratio*: 0 cổ phần/*Shares* (0%).

Ông/Mr: Tu Ting Jui

Chức vụ hiện tại/*Current position*: Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam./*Independent member of the Board of Directors of Taya Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company.*

Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: 19/08/1948

Nơi sinh/*Place of birth*: Tainan, Taiwan.

Quốc tịch/*Nationality*: Taiwan (R.O.C) Dân tộc/*Ethnicity*: Hán/*Han*

Trình độ văn hóa/*Education level*: Cao đẳng thương nghiệp Đài Nam/*Tainan College of Commerce*.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/*Shares ownership ratio*: 0 cổ phần /*Shares* (0%).

Ông/Mr: Lin Fu Chih

Chức vụ hiện tại/*Current position*: Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam./*Independent member of the Board of Directors of Taya Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company.*

Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: 10/01/1952

Nơi sinh/*Place of birth*: Tainan, Taiwan.

Quốc tịch/*Nationality*: Taiwan (R.O.C) Dân tộc/*Ethnicity*: Hán/*Han*

Trình độ văn hóa/*Education level*: Đại học Thành Công Đài Nam/*Tainan Chenggong University*.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/*Shares ownership ratio*: 0 cổ phần/*Shares (0%)*.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*the committees of the Board of Directors*

Công ty thành lập tiểu ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị, các thành viên bao gồm/*The Company established an audit subcommittee under the Board of Directors, the members of which include:*

- Ông/Mr: Tsai Chung Cheng – thành viên độc lập HĐQT/*Independent member of the Board of Directors*.
- Ông/Mr: Tu Ting Jui – thành viên độc lập HĐQT/*Independent member of the Board of Directors*.
- Ông/Mr: Lin Fu Chih – thành viên độc lập HĐQT/*Independent member of the Board of Directors*.

Tiểu ban Kiểm toán trực tiếp chỉ đạo, điều hành, giám sát hoạt động của bộ phận kiểm toán nội bộ và thực thi chức trách theo quy định tại “**Quy chế kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần dây và Cáp điện Taya Việt Nam**” và quy định khác của pháp luật có liên quan./*The Audit Subcommittee directly directs, operates, and supervises the activities of the internal audit department and performs its duties as prescribed in the "Internal Audit Regulations of Taya Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company" and other relevant legal regulations.*

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*

Năm 2024 HĐQT đã họp 12 lần theo dõi, nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Trong hội nghị, Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết vay vốn ngân hàng bổ sung vốn lưu động cho công ty, nhập khẩu máy móc thiết bị hiện đại tân tiến, cải tiến chất lượng sản phẩm và hiệu suất sản xuất. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 công ty lãi khoảng 77,5 tỷ đồng./*In 2024, the Board of Directors met 12 times to monitor and grasp the company's management and production and business activities. During the meeting, the Board of Directors approved resolutions to borrow bank loans to supplement the company's working capital, import modern and advanced machinery and equipment, improve product quality and production efficiency. The company's business results in 2024 earned a profit of about 77.5 billion VND.*

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp)/*Activities of independent members of the Board of Directors. Activities of subcommittees in the Board of Directors: (assess the activities of subcommittees in the Board of Directors, specify the number of meetings of each subcommittee, the content and results of the meetings)*

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành/*Activities of independent non-executive Board members*

- Căn cứ quyền hạn và nghĩa vụ được giao, tuân theo Quy chế nội bộ quản trị công ty, Điều lệ công ty và quy định của pháp luật hiện hành, thành viên HĐQT độc lập tiến hành khảo sát thực tế và đánh giá mọi hoạt động của HĐQT./*Based on the assigned authority and obligations, in compliance with the internal regulations on corporate governance, the Company Charter and current legal regulations, the independent member of the Board of Directors conducts a field survey and evaluates all activities of the Board of Directors.*

► Giám sát và đánh giá công tác quản trị công ty/*Monitor and evaluate corporate governance*

- Hệ thống quản trị công ty vận hành tốt, hiệu quả cao và không vi phạm pháp luật/*The company's governance system operates well, is highly effective and does not violate the law.*

► **Giám sát và đánh giá chiến lược kinh doanh, phát triển thị trường và đầu tư công nghệ/***Monitor and evaluate business strategy, market development and technology investment.*

- **Chiến lược kinh doanh:** linh động và đa dạng, tăng doanh thu và lợi nhuận do kinh tế thế giới phục hồi, nhu cầu thị trường mở rộng nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty./*Business strategy: Flexible and diversified, increasing revenue and profit due to global economic recovery, expanding market demand, improving the company's business efficiency.*

- **Phát triển thị trường:** nhiều khách hàng mới được khai thác mang lại tiềm năng mở rộng thị trường trong tương lai./*Market development: many new customers are exploited, bringing potential for future market expansion.*

- **Đầu tư công nghệ:** Máy móc thiết bị sản xuất hiện đại đã được nhập về công ty, hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm được nâng cao đáng kể./*Modern production machinery and equipment have been imported to the company, significantly improving production efficiency and product quality.*

Kết luận/Conclude:

HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng đại diện của các chủ sở hữu trong việc giám sát hoạt động điều hành của Công ty, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty./*The Board of Directors has fully performed its representative function of the owners in supervising the Company's operations, on the basis of compliance with the provisions of law and the Company's Charter.*

Bên cạnh việc thực hiện chức năng quản lý, giám sát công tác điều hành của Ban điều hành, HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành tìm ra những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh năm 2024./*In addition to performing the management and supervision functions of the Executive Board, the Board of Directors has closely coordinated with the Executive Board to find solutions to overcome difficulties in production and business in 2024.*

Nhìn chung, từ ảnh hưởng rất lớn về kinh tế toàn cầu phục hồi năm 2024, với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực và cẩn trọng trong chức năng nhiệm vụ của mình./*In general, from the huge impact of the global economic recovery in 2024, with a high sense of responsibility, perform duties honestly and carefully in their functions and duties.*

Hoạt động của tiểu ban kiểm toán/Activities of the audit committee

Tiểu ban kiểm toán đã thực hiện kiểm toán nội bộ của công ty năm 2024. Báo cáo kết quả thực hiện kiểm toán nội bộ đã được đăng tải trên website công ty. Tiểu ban kiểm toán nhận xét nội dung cũng như mặt kỹ thuật kiểm toán của công ty rất chuyên nghiệp và hiệu quả, nhắc nhở mọi người tham gia cảnh giác, phát hiện, ngăn chặn rủi ro và nguy cơ phát sinh rủi ro./*The audit subcommittee has performed the company's internal audit in 2024. The report on the results of the internal audit has been posted on the company's website. The audit subcommittee commented that the company's audit content and technical aspects were very professional and effective, reminding everyone involved to be vigilant, detect and prevent risks and the risk of risks arising.*

Hoạt động của tiểu ban nhân sự, lương thưởng và tư vấn pháp lý/Activities of the human resources sub-committee, salary and bonus and legal advice

Công ty không thiết lập các tiểu ban Hội đồng quản trị, chỉ giao trách nhiệm ba thành viên Hội đồng quản trị độc lập chuyên trách công việc nhân sự, lương thưởng và tư vấn pháp lý của Hội đồng quản trị. Năm 2024 thành viên độc lập đã tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị 12 lần, thảo luận, đóng góp ý kiến liên

quan hoạt động kinh doanh sản xuất của công ty, đồng thời xem xét, đệ trình Hội đồng quản trị quyết định đề bạt nhân sự, duyệt kế hoạch đào tạo tay nghề, điều chỉnh lương bổng, phát tiền thưởng cuối năm 2024 cho nhân viên công ty./The company does not establish sub-committees of the Board of Directors, only assigning responsibility to three independent members of the Board of Directors who are responsible for human resources, salary and bonus and legal advice of the Board of Directors. In 2024, independent members attended the Board of Directors meetings 12 times, discussed and contributed opinions related to the company's business and production activities, and considered and submitted to the Board of Directors for decisions. Promote personnel, approve skills training plans, adjust salaries, and distribute bonuses at the end of 2024 to company employees.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/List of members of the Board of Directors with training certificates in corporate governance. List of Board of Directors members participating in corporate governance programs during the year

Do Thành viên Hội đồng quản trị của công ty là người nước ngoài đã tốt nghiệp và hoàn thành chương trình nghiên cứu chuyên môn và quản trị kinh doanh tại các nước như Hoa kỳ, Taiwan...có dày dặn kinh nghiệm thực tế trong điều hành và quản trị công ty. Các thành viên này không tham gia các khóa đào tạo quản trị công ty tại Việt nam. Riêng cán bộ quản lý Việt nam và người được ủy quyền công bố thông tin của công ty đã tham gia và hoàn thành khóa đào tạo quản trị công ty tại Việt nam./Because the company's Board of Directors members are foreigners who have graduated and completed professional research and business administration programs in countries such as the United States, Taiwan... with extensive practical experience in operations and corporate governance. These members do not participate in corporate governance training courses in Vietnam. Particularly, Vietnamese managers and people authorized to disclose information of the company have participated and completed a corporate governance training course in Vietnam.

2. Ban Kiểm soát/Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Members and structure of the Supervisory Board

Ông/Mr. Hung Chung Ming

Chức vụ hiện tại/Current position: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam./Head of Supervisory Board of Taya Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company

Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 05/04/1977

Nơi sinh/Place of birth: Tainan

Quốc tịch/Nationality: Taiwan (R.O.C) Dân tộc/Ethnicity: Hán/Han

Trình độ văn hóa/Education level: Kun Shan University Taiwan; chuyên ngành Tài chính kế toán./majoring in Finance and Accounting

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/Shares ownership ratio: 0 cổ phần/Shares (0%).

Ông/Mr. Wang Wen Ruey

Chức vụ hiện tại/Current position: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam./Member of the Supervisory Board of Taya Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company.

Tổng Giám đốc/General Director of Cuprime Material Co., Ltd

Giám đốc/Manager of Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.

Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 31/8/1951

Nơi sinh/Place of birth: Taiwan

Quốc tịch/Nationality: Taiwan (R.O.C) Dân tộc/Ethnicity: Hán/Han

Trình độ văn hóa/Education level: Đại Học Đông Ngô, Đài Loan/Dong Wu University, Taiwan.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/Shares ownership ratio 0 cổ phần/Shares (0%).

Ông/Mr. Chiu Tsung Jen

Chức vụ hiện tại/Current position:: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Dây và Cáp Điện TAYA Việt Nam/Member of the Supervisory Board of Taya Vietnam Electric Wire and Cable Joint Stock Company.

Tổng giám đốc/General Director: Ban xây dựng/Construction Board of Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd

Tổng giám đốc/General Director: Công ty CPHH xây dựng Taya (Việt Nam)/Taya (Vietnam) Construction Company

Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 30/09/1957

Nơi sinh/Place of birth: Taiwan.

Quốc tịch/Nationality: Taiwan (R.O.C) Dân tộc/Ethnicity: Hán/Han

Trình độ văn hóa/Education level: MBA Đại học California Hoa Kỳ/MBA University of California, USA.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/Shares ownership ratio: 2.310 cổ phần/Shares (0,01%).

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/Activities of the Supervisory Board

Ban kiểm soát một năm họp bốn (4) lần, chủ yếu bàn thảo trao đổi kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Mỗi quý Ban kiểm soát cử đại diện kiểm tra giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty./The Supervisory Board meets four (4) times a year, mainly discussing and exchanging supervision results with the Board of Directors and Board of Management. Every quarter, the Board of Supervisors appoints representatives to inspect and monitor the company's operations and finances.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích, chi phí hoạt động của Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc/Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors, General Director

Phí và thưởng của HĐQT năm 2024 như sau/Fees and bonuses of the Board of Directors in 2024 are as follows:

Họ và tên/Full name	Chức vụ/Position	Phí và thưởng/ Fees and rewards	Phí bảo lãnh vay ngân hàng/Bank loan guarantee fee
Ông/Mr. Shen Shang Pang	Chủ tịch/ Chairman	1.871.274.008 VND	449.082.652 VND
Ông/Mr. Shen Shang Tao	Phó chủ tịch /Vice Chairman	1.871.274.008 VND	
Ông/Mr. Shen Shang Hung	Thành viên /Member	2.228 508 VND	

Ông/Mr. Shen San Yi	Thành viên /Member	2.228 508 VND	
Ông/Mr. Wang Ting Shu	Thành viên /Member	2.228 508 VND	
Ông /Mr. Tsai Chung Cheng	Thành viên /Member	2.228 508 VND	
Ông /Mr Tu Ting Jui	Thành viên /Member	2.228 508 VND	
Ông /Mr. Lin Fu Chih	Thành viên /Member	2.228 508 VND	

Lương, thưởng và phúc lợi khác của ban Tổng giám đốc năm 2023/Salary, bonus and other benefits of the Board of General Directors in 2024

Họ và tên/Full name	Chức vụ/Position	Lương, thưởng và phúc lợi khác/ Salary, rewards, and other benefits
Ông/Mr. Hsu Ching Yao	Tổng giám đốc/General Manager	1.095.829.965 VND
Ông/Mr. Huang Shih Che	Phó Tổng giám đốc/ Deputy GM	760.566.190 VND

Thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2024/Remuneration of members of the Board of Directors and Supervisory Board in 2024

Lợi nhuận sau thuế năm 2024 của công ty khoảng 77,5 tỷ đồng, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 22 tháng 04 năm 2024, công ty phải chi trả thù lao năm 2024 cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát với mức 3% lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ/The company's 2024 after-tax profit is about 77.5 billion VND. According to the Resolution of the General Meeting of Shareholders dated April 22, 2024, the company must pay 2024 remuneration to the Board of Directors and the Board of Supervisors at the rate of 3% of the remaining after-tax profit after setting aside funds.

Chi phí hoạt động của HĐQT, BKS/Operating expenses of the Board of Directors and Board of Supervisors

Chi phí hoạt động năm 2024 của thành viên HĐQT và BKS công ty/Operating expenses in 2024 for members of the Board of Directors and Supervisory Board of the company

- Chi phí hoạt động của HĐQT/Operating expenses of the Board of Directors: 379.254.372 VND.
- Chi phí hoạt động của BKS/Operating costs of the Supervisory Board: 14.330.000 VND.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/Share transactions by internal shareholders

- Tháng 7/2024, Chủ tịch HĐQT ông Shen Shang Pang mua vào 3.800 cổ phiếu của công ty./In July 2024, Chairman of the Board of Directors Mr. Shen Shang Pang bought 3,800 shares of the company.
- Tháng 7/2024, Thành viên HĐQT ông Shen San Yi mua vào 4.300 cổ phiếu của công ty./In August 2024, Board of Directors member Mr. Shen San Yi bought 4,300 shares of the company.

Xung đột lợi ích với công ty/Conflict of interest with the company

- Không xung đột lợi ích/No conflicts of interest.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ năm 2024/Contracts or transactions with insiders in 2024

➤ Giao dịch với Công ty có liên quan/Transactions with Related Companies

1. Công ty TNHH Dây và Cáp điện Đại Á (Taya Electric Wire and Cable Co., Ltd)

- Nhập khẩu nguyên vật liệu/Import raw materials: 4.833.934.983VND
- Phí bản quyền và phí UL/Copyright fee and UL fee: 2.561.789.148VND

- Phí dịch vụ/*Service fee*: 28.959.540.000VND
- 2. Công ty TNHH Điện cơ Teco (Vietnam)/*TECO (VIETNAM) ELECTRIC & MACHINERY CO., LTD*
 - Mua nguyên liệu thô/*Purchase of raw materials*: 25.473.000VND;
 - Bán thành phẩm/*finished goods*: 40.472.941.083VND;
 - Cho thuê văn phòng và nhà xưởng/*Office and factory rental*: 1.237.745.600VND
- 3. Jung Shing Wire (Vietnam) Company Limited
 - Bán thành phẩm/*finished goods*: 1.114.281.901 đồng/VND;
- d) **Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Assessing the Implementation of regulations on corporate governance***
 - Công ty thực hiện việc Quản trị công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành/*The company carries out corporate governance in accordance with current legal regulations.*

VI. Báo cáo tài chính (xem BCTC tổng hợp và Trụ sở chính năm 2024 tại www.taya.com.vn mục Quan hệ cổ đông)/*Financial statements (Financial statements (see Consolidated financial statements and Head office 2024 at www.taya.com.vn, Investor Relations section)*

1. Ý kiến kiểm toán/*Audit opinion*



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

To the Shareholders
Taya (Vietnam) Electric Wire and Cable Joint Stock Company

We have audited the accompanying financial statements of Taya (Vietnam) Electric Wire and Cable Joint Stock Company ("the Company"), which comprise the balance sheet as at 31 December 2024, the statements of income and cash flows for the year then ended and the explanatory notes thereto which were authorised for issue by the Company's Board of Directors on 13 March 2025, as set out on pages 6 to 34.

Management's Responsibility

The Company's Board of Directors is responsible for the preparation and true and fair presentation of these financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting, and for such internal control as the Board of Directors determines is necessary to enable the preparation of financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements are free of material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgement, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and true and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Company's Board of Directors, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.



KPMG Limited Branch, a branch of KPMG Limited, a Vietnamese one member limited liability company and a member firm of the KPMG global organization of independent member firms affiliated with KPMG International Limited, a private English company limited by guarantee. All rights reserved.



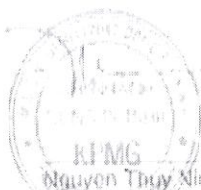
Auditor's Opinion

In our opinion, the financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of Taya (Vietnam) Electric Wire and Cable Joint Stock Company as at 31 December 2024 and of its results of operations and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.

KPMG Limited's Branch in Ho Chi Minh City

Vietnam

Audit Report No.: 24-01-00451-25-2



Nguyen Thuy Minh

Practicing Auditor Registration

Certificate No. 4823-2023-007-1

Deputy General Director

Binh Truy Phuong

Practicing Auditor Registration

Certificate No. 4626-2023-007-1

Ho Chi Minh City, 13 March 2025

Taya (Vietnam) Electric Wire and Cable Joint Stock Company
Balance sheet as at 31 December 2024

Form B 01 – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

	Code	Note	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
ASSETS				
Current assets (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1,143,336,582,826	871,637,531,405
Cash and cash equivalents	110	4	122,872,810,825	48,132,538,897
Cash	111		102,872,810,825	46,863,967,394
Cash equivalents	112		20,000,000,000	1,268,571,503
Short-term financial investments	120		420,754,671,656	268,851,981,656
Held-to-maturity investments	123	5	420,754,671,656	268,851,981,656
Accounts receivable – short-term	130		285,883,793,133	241,427,734,249
Accounts receivable from customers	131	6(a)	280,671,720,959	213,403,021,882
Prepayments to suppliers	132	6(b)	416,805,259	24,675,467,045
Other short-term receivables	136	6(c)	5,819,226,203	4,373,204,610
Allowance for doubtful debts	137		(1,023,959,288)	(1,023,959,288)
Inventories	140	7	281,460,862,454	284,459,491,155
Inventories	141		283,728,534,516	286,865,254,589
Allowance for inventories	149		(2,267,672,062)	(2,405,763,434)
Other current assets	150		32,364,444,788	28,765,785,448
Short-term prepaid expenses	151		3,067,211,126	2,360,464,098
Deductible value added tax	152	12(a)	28,929,537,977	25,586,886,343
Taxes receivable from State Treasury	153		-	699,004,352
Other current assets	155		367,695,655	119,430,655
Long-term assets (200 = 220 + 240 + 260)	200		82,510,129,581	83,705,171,725
Fixed assets	220		73,003,437,763	75,029,670,135
Tangible fixed assets	221	8	73,003,437,763	75,029,670,135
Cost	222		522,218,218,616	514,557,972,917
Accumulated depreciation	223		(449,214,780,853)	(439,528,302,782)
Intangible fixed assets	227		-	-
Cost	228		1,000,078,800	1,000,078,800
Accumulated amortisation	229		(1,000,078,800)	(1,000,078,800)
Long-term work in progress	240		3,092,276,182	4,230,182,354
Construction in progress	242	9	3,092,276,182	4,230,182,354
Other long-term assets	260		6,414,415,636	4,445,319,236
Long-term prepaid expenses	261	10	5,900,843,075	3,908,728,028
Deferred tax assets	262		513,572,561	536,591,208
TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)	270		1,225,846,712,407	955,342,703,130

The accompanying notes are an integral part of these financial statements

Faya (Vietnam) Electric Wire and Cable Joint Stock Company
Balance sheet as at 31 December 2024 (continued)

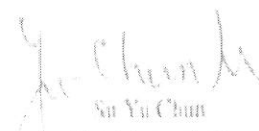
Form B 01 - DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
RESOURCES				
LIABILITIES (300 = 310)	300		676,232,013,780	475,607,595,533
Current liabilities	310		676,232,013,780	475,607,595,533
Accounts payable to suppliers	311	41	38,542,811,230	31,138,605,026
Advances from customers	312		38,243,087,568	20,107,881,156
Taxes payable to State Treasury	313	12(b)	6,422,887,190	6,038,829,742
Payables to employees	314		9,574,267,099	8,506,566,588
Accrued expenses	315		1,898,402,852	3,686,532,391
Other short-term payables	319		44,452,498	38,707,097
Short-term borrowings	320	13	588,504,105,353	506,083,468,533
EQUITY (400 = 410)	400		549,614,698,627	479,735,107,597
Owners' equity	410	14	549,614,698,627	479,735,107,597
Share capital	411	15	306,899,450,637	306,899,450,637
Treasury shares	415	15	(277,840,000)	(277,840,000)
Investment and development fund	418	17	104,304,882,632	104,160,685,081
Retained profits	421		138,683,205,358	68,947,811,879
- Retained profits brought forward	421a		61,108,935,245	67,986,494,868
- Net profit for the year	421b		77,574,250,113	961,417,011
TOTAL RESOURCES (440 = 300 + 400)	440		1,225,846,712,407	955,342,703,130

13 March 2025

Prepared by


Su Yu Chun
Chief Accountant

Approved by

Hsu Chung Yao
General Director

The accompanying notes are an integral part of these financial statements.

Taya (Vietnam) Electric Wire and Cable Joint Stock Company
Statement of income for the year ended 31 December 2024

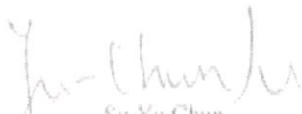
Form B 02 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	2024 VND	2023 VND
Revenue from sale of goods and provision of services	01	19	1,860,879,482,477	1,467,791,489,154
Revenue deductions	02	19	1,780,000	.
Net revenue (10 = 01 - 02)	10	19	1,860,877,702,477	1,467,791,489,154
Cost of sales and services	11	20	1,681,440,047,437	1,367,206,171,538
Gross profit (20 = 10 - 11)	20		179,437,655,040	100,585,317,616
Financial income	21	21	33,744,571,943	28,924,271,087
Financial expenses	22	22	37,989,312,006	39,413,750,409
In which: Interest expense	23		24,179,522,389	26,324,292,808
Selling expenses	25	23	33,473,874,671	24,626,645,792
General and administration expenses	26	24	44,012,985,314	43,053,385,641
Net operating profit (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		97,706,054,992	22,415,797,771
Other income	31		397,424,892	465,954,247
Other expenses	32		978,143,477	5,030,135,021
Results of other activities (40 = 31 - 32)	40		(580,718,585)	(4,564,180,774)
Accounting profit before tax (50 = 30 + 40)	50		97,125,336,407	17,851,616,997
Income tax expense – current	51	26	19,528,067,647	16,828,510,280
Income tax expense – deferred	52	26	23,018,647	61,789,706
Net profit after tax (60 = 50 - 51 - 52)	60		77,574,250,113	961,317,011
Basic earnings per share	70	27	2,453	30

13 March 2025

Prepared by:


Su Yu Chun
Chief Accountant
The accompanying notes are an integral part of these financial statements


Hsu Chung-Yao
General Director

Taya (Vietnam) Electric Wire and Cable Joint Stock Company
Statement of cash flows for the year ended 31 December 2024
(Indirect method)

Form B 03 - DN

*Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance*

	Code	2024 VND	2023 VND
CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
Accounting profit before tax	01	97,125,336,407	17,851,616,997
Adjustments for			
Depreciation	02	13,539,532,380	13,453,535,724
Allowances and provisions	03	(138,091,372)	(486,600,387)
Exchange gains arising from revaluation of monetary items denominated in foreign currencies	04	(1,424,168,609)	(3,424,201,713)
Gains on disposals of fixed assets	05	(390,872,296)	(300,000,000)
Interest income	05	(19,281,199,955)	(13,182,560,353)
Interest expense	06	24,179,522,389	26,324,292,808
Operating profit before changes in working capital	08	113,610,058,911	40,136,083,051
Change in receivables and other assets	09	(45,333,350,715)	93,958,471,990
Change in inventories	10	3,136,720,073	79,618,721,762
Change in payables and other liabilities	11	15,521,753,181	(376,039,327)
Change in prepaid expenses	12	(2,608,862,073)	1,449,801,300
		84,236,319,375	214,787,038,776
Interest paid	14	(23,955,368,369)	(27,858,296,903)
Corporate income tax paid	15	(17,089,230,167)	(11,884,269,103)
Other payments for operating activities	17	(24,813,583)	(814,730,413)
Net cash flows from operating activities	20	43,167,207,256	174,229,742,357
CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
Payments for additions to fixed assets and other long term assets	21	(9,541,393,836)	(7,845,068,280)
Proceeds from disposals of fixed assets	22	390,872,296	300,000,000
Placements of term deposit at banks	23	(634,771,261,503)	(413,053,515,063)
Collection of term deposits at banks	24	482,868,571,303	289,131,660,760
Receipts of interest	27	17,847,218,395	11,998,065,089
Net cash flows from investing activities	30	(143,205,993,145)	(119,468,854,494)

The accompanying notes are an integral part of these financial statements

Taya (Vietnam) Electric Wire and Cable Joint Stock Company
Statement of cash flows for the year ended 31 December 2024
(Indirect method – continued)

Form B 03 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Code	2024 VND	2023 VND
CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
Proceeds from short-term borrowings	33	1,563,910,798,710	1,231,824,061,373
Payments to settle short-term borrowings	34	(1,381,557,138,110)	(1,315,827,323,484)
Payments of dividends	36	(7,670,145,500)	(12,272,232,800)
Net cash flows from financing activities	40	174,683,515,100	(96,275,494,911)
Net cash flows during the year (50 = 20 + 30 + 40)	50	74,644,729,211	(41,514,607,048)
Cash and cash equivalents at beginning of the year	60	48,132,538,897	89,646,925,771
Effect of exchange rate fluctuations on cash and cash equivalents	61	95,542,717	220,174
Cash and cash equivalents at end of the year (70 = 50 + 60 + 61) (Note 4)	70	122,872,810,825	48,132,538,897

13 March 2025

Prepared by:


Su Yu Chun
Chief Accountant

Approved by:


Hui Chung Yao
General Director

The accompanying notes are an integral part of these financial statements



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghé Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 6 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghé Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

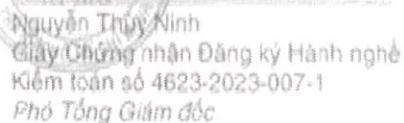


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-00451-25-2



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2025

Bành Thủy Phương
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4626-2023-007-1

0.4
y
K
H
y
C

1704
H NH
10 T
(PI
10 10

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/02/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.143.336.582.826	871.637.531.405
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	122.872.810.825	48.132.538.897
Tiền	111		102.872.810.825	46.863.967.394
Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	1.268.571.503
Dầu tư tài chính ngắn hạn	120		420.754.671.656	268.831.981.656
Dầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	121	5	420.754.671.656	268.831.981.656
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		285.883.793.133	241.427.734.249
Phải thu của khách hàng	131	6(a)	280.671.720.959	213.403.021.882
Trợ thu từ người bán	132	6(b)	316.805.259	21.675.167.045
Phải thu ngắn hạn khác	136	6(c)	5.819.236.203	4.375.204.610
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(1.023.959.288)	(1.023.959.288)
Hàng tồn kho	140	7	281.460.862.454	284.459.191.155
Hàng tồn kho	141		283.728.533.516	286.863.234.589
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.267.672.062)	(2.405.763.434)
Tài sản ngắn hạn khác	150		32.364.444.758	28.765.785.448
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.067.211.126	2.360.464.098
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	12(a)	28.929.537.977	23.586.886.343
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	699.004.352
Tài sản ngắn hạn khác	155		367.695.655	119.430.655
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		82.510.129.581	83.798.171.738
Tài sản cố định	220		73.003.437.763	75.029.670.135
Tài sản cố định hữu hình	221	8	73.003.437.763	75.029.670.135
Nguyên giá	222		322.218.218.616	313.337.972.917
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(249.214.780.853)	(249.528.302.782)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		1.000.078.800	1.000.078.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.000.078.800)	(1.000.078.800)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.092.276.182	4.230.182.354
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	3.092.276.182	4.230.182.354
Tài sản dài hạn khác	260		6.414.415.636	4.445.319.236
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	5.900.843.075	3.908.728.028
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		513.572.561	536.591.208
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.225.846.712.407	955.342.703.130

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

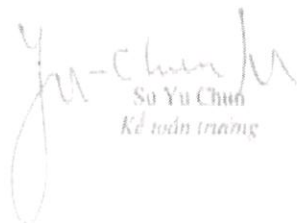
Mẫu B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		676.232.013.780	475.607.595.533
Nợ ngắn hạn	310		676.232.013.780	475.607.595.533
Phải trả người bán	311	11	28.542.811.220	31.148.605.026
Người mua trả tiền trước	312		38.245.087.568	20.107.881.156
Thuế phải nộp Nhà nước	313	12(b)	6.422.887.190	6.038.829.742
Phải trả người lao động	314		9.574.267.099	8.506.566.588
Chi phí phải trả	315		4.898.402.852	3.686.537.391
Phải trả ngắn hạn khác	319		44.452.498	35.707.097
Vay ngắn hạn	320	13	588.504.105.353	406.083.468.533
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		549.614.698.627	479.735.107.597
Vốn chủ sở hữu	410	14	549.614.698.627	479.735.107.597
Vốn cổ phần	411	15	306.899.450.637	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ	415	15	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	17	104.304.882.632	104.160.685.081
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		138.683.205.358	68.947.811.879
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				
lũy kế đến cuối năm trước	421a		61.108.955.245	67.986.494.868
- Lợi nhuận thuần trong năm	421b		77.574.250.113	961.317.011
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.225.846.712.407	955.342.703.130

Ngày 13 tháng 3 năm 2025

Người lập:


 So Yu Chun
 Kế toán trưởng


 Huu Chung Yao
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

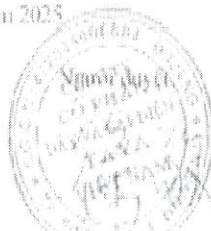
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	1.860.879.482.477	1.467.791.489.154
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	1.780.000	*
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	19	1.860.877.702.477	1.467.791.489.154
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	1.681.440.047.437	1.367.206.171.538
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		179.437.655.040	100.585.317.616
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	33.744.571.943	38.924.271.087
Chi phí tài chính	22	22	37.989.312.006	39.413.759.499
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.179.522.880	26.124.292.808
Chi phí bán hàng	25	23	33.473.874.671	24.626.645.792
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	44.012.983.314	43.053.385.641
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		97.706.054.992	22.415.797.771
Thu nhập khác	31		397.424.892	465.954.247
Chi phí khác	32		978.143.277	5.030.133.021
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(580.718.385)	(4.564.180.774)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		97.125.336.607	17.851.616.997
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	19.828.067.647	16.828.510.280
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	26	23.018.647	61.789.706
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		77.574.250.113	961.317.011
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	2.453	30

Ngày 13 tháng 3 năm 2025

Người lập

Su Yu Chun
Su Yu Chun
Kế toán trưởng



Hà Chung Yên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	97.125.336.407	17.851.616.997
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao	02	13.539.532.380	13.453.535.724
Các khoản dự phòng	03	(138.091.372)	(486.600.382)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.424.168.609)	(3.424.201.713)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	(390.872.296)	(400.000.000)
Lãi tiền gửi	05	(19.281.199.988)	(13.182.560.383)
Chi phí lãi vay	06	24.179.522.389	26.324.292.808
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	113.610.058.911	40.136.083.051
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(45.333.330.715)	93.958.471.990
Biến động hàng tồn kho	10	3.136.720.073	79.618.721.762
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	15.521.753.181	(376.039.327)
Biến động chi phí trả trước	12	(2.698.862.075)	1.449.801.300
		84.236.319.375	214.787.038.776
Tiền lãi vay đã trả	14	(23.955.368.369)	(27.858.296.903)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.089.230.167)	(11.884.269.103)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(24.513.583)	(814.730.413)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	43.167.207.256	174.229.742.357
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(9.541.393.836)	(7.845.068.280)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	390.872.296	400.000.000
Tiền chi gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(634.771.261.503)	(413.063.515.063)
Tiền thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	482.868.571.503	289.131.663.760
Tiền thu lãi tiền gửi	27	17.847.218.395	11.908.065.089
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(143.205.903.145)	(119.468.854.404)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

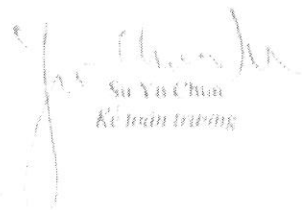
Mã số 2024 VND 2023 VND

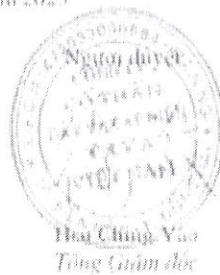
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	1.563.910.798.710	1.331.824.061.373
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn	34	(1.381.557.138.110)	(1.315.927.323.484)
Tiền chi trả cổ tức	36	(7.670.145.500)	(12.212.232.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	174.683.515.100	(96.275.494.911)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	74.644.729.211	(41.514.607.048)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	48.132.538.897	89.646.925.771
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	95.542.717	220.174
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	122.872.810.825	48.132.538.897

Ngày 13 tháng 3 năm 2025

Người lập:


 Su Yu Chuan
 Kế toán trưởng


 Người duyệt:
 Hoàng Chung Vươ
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Biên Hòa/Bien hoa, Ngày/date 31 tháng/month 03 năm/year 2025

Người đại diện theo pháp luật

Legal representative

Tổng Giám Đốc/General Director



Hsu Ching Yao

